



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3091** /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày **06** tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ hộ kinh doanh phải tạm ngừng hoạt động do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của UBND thành phố Biên Hòa tại Tờ trình số 12919/TTr-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2021 và Tờ trình số 12959/TTr-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 278/TTr-LĐTBXH ngày 30 tháng 8 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ hộ kinh doanh phải tạm ngừng hoạt động do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa gồm 873 hộ kinh doanh với số tiền là 2.619.000.000 đồng (hai tỷ, sáu trăm mười chín triệu đồng chẵn).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định).

Nguồn kinh phí hỗ trợ hộ kinh doanh được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND thành phố Biên Hòa chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa và các hộ kinh doanh tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH HỘ TRỢ HỘ KINH DOANH BỊ TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG
ĐỂ PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID - 19 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
(Kèm theo Quyết định số 2091/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

DVT đồng

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)	(10)	(11)	

I. Hộ kinh doanh đang nộp thuế

I. Phường Hồ Nai

1	Trần Quốc Thiề	3603275105	47A8045128	271327563	5C KP 6	09/07/2021- 29/08/2021	3.000.000		
2	Vũ Văn Đầm	3603012106	47A8036613	276077518	5/65 kp9	10/07/2021- 29/8/2021	3.000.000		
3	Nguyễn Thị Mỹ Diệu	3600966552	47A8021608	271563405	17b/17 kp3	10/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
4	Trần Thị Thu Hà	3602851028	4748033627	270914912	62/3 kp1	10/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
5	Nguyễn Văn Dây	3602493238	47A8048031	270915031	104/4 kp1	10/07/2021- 29/8/2021	3.000.000		
6	Nguyễn Thị Thủy Ngân	8353284939	47A8069116	272487387	182/6 kp1	11/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
7	Vũ Thanh Nghiệp	3602673583	47A8032542	270794308	42A/2 kp1	01/06/2021- 29/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
8	Bùi Vương Vũ	3602810430	47A8057978	271444485	53B/2 kp1	11/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
9	Nguyễn Thị Thùy Linh	3603566175	47A8058959	271745005	31B/2 kp1	11/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
10	Nguyễn Thị Thu Hằng	3603043873	47A8058960	271826576	5/1a kp1	01/05/2021- 29/8/2021	3.000.000		
11	Nguyễn Hoàng Ý Nhi	3603566168	47A8058958	272477089	32/1 kp1	01/05/2021- 29/8/2021	3.000.000		
12	Lê Ngọc Định	8283419883	47A8048713	271157320	11/1 kp1	08/5/2021- 29/8/2021	3.000.000		
13	Nguyễn Thị Hải	8303235809	47A8071208	272207878	28A/55 kp9	09/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
14	Nguyễn Ngọc Chính Luận	3602291104	47A8027337	270985336	91/4 kp1	09/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
15	Nguyễn Văn Lâm	3603226926	47A8043744	271065278	28A/55 kp9	09/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
16	Trần Thị Phương Nga	3602878245	47A8034159	270963340	25/58 kp9	11/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
17	Vũ Thị Kim Loan	3603537294	47A8057836	271792892	682 kp3	11/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
18	Vũ Thị Bích Lệ	3603115373	47A8039981	271959194	16/78 kp12	11/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
19	Phạm Trần Ngọc Mai Thi	8394357368	47A8052540	272376285	10D/82 kp12	04/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
20	Hà Thị Ngọc Huyền	3600975243	47A8065010	271444631	39/81 KP12	9/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
21	Ngô Văn Vĩnh	3600325340	47A8043024	271003353	77/19 kp12	10/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
22	Phạm Quốc Hưng	8098814046	47A8061954	271444225	1B/82 kp12	01/6/2021- 29/8/2021	3.000.000		
23	Trần Văn Ngân	3603789968	47A8070979	272501982	12/85 kp12	11/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
24	Nguyễn Thị Phương Loan	3600886681	47A8033244	271160140	52/81 kp12	11/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
25	Nguyễn Thị Thủy Hằng	3603751354	47A8069041	271767776	19/28 kp6	11/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
26	Nguyễn Vĩnh Phát	3601939946	47A8058565	271583710	8/28 kp6	11/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
27	Nguyễn Thị Kim Thoa	3602447023	47A8030303	271862302	4A/42 kp6	11/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
28	Nguyễn Văn Mạnh	3602622645	47A8027692	270915182	8A/24 kp6	11/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
29	Nguyễn Thị Mai	3600667626	47A8006759	271712708	23B/26 kp6	25/4/2021- 29/8/2021	3.000.000		
30	Nguyễn Hữu Hùng	3600671492	47A8053052	270393267	23B/26 kp6	27/5/2021- 29/8/2021	3.000.000		
31	Trần Duy Kha	3600326295	47A8001324	270915151	3/28 kp6	09/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
32	Phạm Ngọc Diễm Trang	3603412111	47A8051050	271437953	13/78 kp12	10/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
33	Trịnh Văn Ngọc	8410462242	47A8069474	272438639	3B/37 kp8	11/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
34	Trần Minh Trọng	3602024363	47A8063989	271971176	20A/78 kp12	04/05/2021- 29/8/2021	3.000.000		
35	Nguyễn Hoàng Hùng	3601035348	47A8022870	271380027	30/17 kp3	11/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
36	Vũ Văn Dũng	8171302238	47A8043215	270398066	29/17 kp3	10/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
37	Dương Đức Cường	3603265509	47A8044725	001060019607	Tổ 43 kp6	9/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
38	Nguyễn Duy Tân	3603082978	47A8039395	271946331	23/43 kp6	9/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
39	Nguyễn Hoàng Anh	8105422444	47A8065811	271673814	385/46/45 kp6	10/5/2021- 29/8/2021	3.000.000		
40	Lê Nguyễn Luật	3603611406	47A8061245	025262174	10/24 kp6	30/6/2021- 29/8/2021	3.000.000		
41	Ma Văn Dũng	8069043208	47A8038394	271683927	10/90 kp13	12/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
42	Nguyễn Thị Nhật Thu	8034771340	47A8058115	271901640	306/89/33 kp10	01/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
43	Hoàng Thị Lan	8449562707	47A8051857	272169976	14/99 kp10	11/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
44	Vũ Sơn Hà	3603228592	47A8054686	271434043	27/54 kp9	31/05/2021- 29/8/2021	3.000.000		
45	Đào Minh Nhật	8337468135	47A8057840	272205332	1B/56 kp9	01/07/2021- 29/8/2021	3.000.000		
46	Châu Bảo Phúc	3603538851	47A8057896	272568560	19b/56 kp9	01/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
47	Trần Vinh	8016549093	47A8067429	271560259	29B/70 kp9	11/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
48	Nguyễn Thái Hòa	8104305498	47A8049539	271263815	1A Tổ 99 kp10	11/1/2021- 29/8/2021	3.000.000		
49	Nguyễn Văn Tân	8410722525	47A8056002	272597237	131/99 kp10	10/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
50	Nguyễn Thị Thủy	3600792112	47A8012033	270666114	2B/31 kp5	11/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
51	Hoàng Thị Phương	3602549314	47A8060895	271065415	36A/36 kp5	11/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
52	Dăng Thị Thu Trang	3603045278	47A8037085	270695401	14/39 kp5	11/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
53	Bùi Thị Thu Hồng	8195629539	47A8053093	270086297	1/33 kp5	11/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
54	Nguyễn Thị Vân Dung	8059442926	47A8065247	271289514	16/38 kp5	09/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
55	Nguyễn Tiến Minh	3603264255	47A8044678	270730757	4/61 kp 10	31/5/2021- 29/8/2021	3.000.000		
56	Chu Văn Thiện	8023369831	47A8030665	270703713	7/5 kp10	9/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
57	Bùi Thị Như Ngọc	0306763993	47A8040526	290724056	8/5 kp10	10/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
58	Chu Thị Thanh Bạch	3603608259	47A8061157	272193152	13/61 kp10	01/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
59	Bùi Thu Nga	3603596123	47A8060509	271548398	32A/69 kp10	11/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
60	Đỗ Thị Tinh	3603205348	47A8042689	272201367	27B/89 kp13	11/7/2021- 29/8/2021	3.000.000		
2. Phường Bửu Long									
61	Trần Mỹ Liên	8121419424	47A8042340	271400145	12/9 Tổ 22 kp4, P. Bửu Long	01/05/2021- 31/8/2021	3.000.000		
62	Nguyễn Thị Hồng Diễm	3600904115	47A8042400	271583297	11/1/0A1 kp2, P. Bửu Long	01/07/2021- 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Họ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
63	Cao Xuân Nhật	8568087137	47A8064089	272649792	15E Tổ 9 kp 2, P. Bửu Long	05/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
64	Phùng Văn Thanh	8023757739	47A8049876	271535262	1A/7 T8 Kp2, P. Bửu Long	01/08/2021- 31/8/2021	3.000.000		
65	Dương Phước Ngọc Thanh	8447789653	47A8061532	075194001314	11/3D kp2, P. Bửu Long	27/4/2021- 31/8/2021	3.000.000		
66	Đặng Quốc Tuấn	3600902534	47A8003578	271104893	10/5A Tổ 7 kp2, P. Bửu Long	01/5/2021- 31/8/2021	3.000.000		
67	Lê Văn Tài	3603456750	47A8053272	164385923	16/3 Tổ 9 kp2, P. Bửu Long	9/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
68	Đào Lê Vĩnh	3603079559	47A8010770	271979017	15/1 Tổ 9 kp2, P. Bửu Long	10/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
69	Vũ Tấn Lộc	3603442878	47A8052446	273604356	129 Tổ 9 kp2, P. Bửu Long	9/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
70	Trần Văn Luận	3603412094	47A8051049	151186420	54 Tổ 7 kp2, P. Bửu Long	4/5/2021- 31/8/2021	3.000.000		
71	Vũ Mạnh Hà	3600328616	47A8000433	0350062003587	A38C Tổ 28 kp5, P. Bửu Long	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
72	Mai Thị Bích Nga	3603489410	47A8055392	048179000078	C119 Tổ 28 kp5, P. Bửu Long	09/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
73	Đỗ Xuân Hiếu	8114038442	47A8068575	271317122	845/3 Tổ 28 kp5, P. Bửu Long	01/5/2021- 31/8/2021	3.000.000		
74	Nguyễn Minh Tùng	3602503158	47A8063642	271388801	C46 Tổ 32 Kp5, P. Bửu Long	01/8/2021- 31/8/2021	3.000.000		
75	Bùi Thị Mỹ Trang	8201712001	47A8043372	270934759	E19 T30 Kp5, P. Bửu Long	1/8/2021- 31/8/2021	3.000.000		
76	Châu Văn Chuyên	3603538812	47A8057897	271388623	16/6 kp2, P. Bửu Long	9/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
77	Lâm Thị Thủy Phương	3603606928	47A8061022	271043025	8/1 Tổ 7 kp2, P. Bưu Long	01/8/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
78	Trần Thị Tố Quyên	3600904443	47A8001745	271233955	9/2A Tổ 7 kp2, P. Bưu Long	01/8/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
79	Lê Thị Ngát	3603525404	47A8057397	036184001960	9/2 Tổ 7 KP2, P. Bưu Long	09/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
80	Nguyễn Thị Thắm	3602029185	47A8024994	276128841	8 Tổ 8 kp 2, P. Bưu Long	9/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
81	Mai Thị Kim Liên	8059234242	47A8030941	271849092	20B Tổ 26, kp4, P. Bưu Long	05/5/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
82	Nguyễn Thị Kim Dung	3600684276	47A8055640	270031639	16/8F Tổ 20 kp3, P. Bưu Long	1/5/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
83	Trương Thị Phi yến	3602052843	47A8048282	270751040	487 T20 Kp3, P. Bưu Long	16/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		

3. Phường Hòa An

84	Nguyễn Huy Phong	3600760350	47A8010235	272067080	18/2C p.Hòa An	11/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
85	Phạm Viết Mạnh	3603422173	47A8051610	034094008708	31C Kp. Bình Hòa	10/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
86	Dương Thành Trung (An Hưng)	8090271172	47A8033761	271630271	Kp. Bình Hòa	10/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
87	Lê Thị Hạnh	8315988412	47A8051219	272545306	69/2B Kp. Bình Hòa	11/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
88	Trần Ngọc Vô (Trần Gia Khang)	3603370616	47A80495056	212232136	54C Kp. Bình Hòa	11/07/2021 - 29/8/2021	3.000.000		
89	Lê Văn Sơn	8315090812	47A8062532	172212026	79B, Tổ 11B, Kp. Bình Hòa	10/07/2021 - 22/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
90	Lê Nhật Xuyên (Thảo Anh)	3702114162	47A8027332	272929761	Tổ 14B, Kp. Bình Hòa	10/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
91	Nguyễn Thị Thu Thủy	3603490247	47A8055519	271530943	Tổ 13A, Kp. Bình Hòa	11/7/2021 - 01/9/2021	3.000.000		
92	Phạm Quang Thông (Ngọc Nhỏ)	8319213536	47A8039666	272237561	87/2D Kp. Bình Hòa	11/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
93	Ngô Văn Nhỏ	3600940226	47A8008874	270147733	65/2B Kp. Bình Hòa	01/6/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
94	Bùi Văn Tuấn	3900434781	47A8048743	270209077	Tổ 20 A, Kp. Cầu Hàng	11/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
95	Nguyễn Văn Thuận	3603384665	47A8049735	038082012483	Tổ 20A, Kp. Cầu Hàng	11/7/2021 - 29/8/2021	3.000.000		
96	Nguyễn Thị Huệ	8230171117	47A8070600	272439537	41, Tổ 20C, Kp. Cầu Hàng	11/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
97	Nhữ Văn Chương (Nhữ chương)	3603264576	47A8044707	037084002445	Tổ 10 Kp. Đồng Nai	11/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
98	Bùi Thanh Tú	8027821142	47A8050104	280909216	Tổ 10 Kp. Đồng Nai	01/7/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
99	Đàm Văn Thắng	3603504394	47A8056446	272679209	Kp. Đồng Nai	11/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
100	Phạm Thị Liên	3601456434	47A8049510	272272743	37/8 Tổ 16D, Kp. An Hòa	01/8/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
101	Phạm Thị Xuân Hương	3602599650	47A8021080	270135840	Chợ Hòa An, Kios HI	11/7/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
102	Nguyễn Hoàng Em (Hoàng Tấn Tài)	8319208399	47A8042333	075066001063	2078, Kp. Bình Hòa	22/6/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
103	Từ Tấn Phát	3600336649	47A8001038	270147414	52C Kp. Bình Hòa	9/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
104	Nguyễn Thị Thanh Hoa	3602403266	47A8010410	271293204	18/2B K.p. Bình Hòa	11/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
105	Nguyễn Sỹ Tuấn (Anh Anh Quân)	3602434722	47A8029539	241694276	192/2E K.p. Bình Hòa	11/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
106	Lê Thị Hoa	3602353897	47A8037883	272279490	62/5b K.p. Bình Hòa	11/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
107	Mai Nguyễn Giáp (Mí Ni)	8076043537	47A8035160	271698184	32/7A K.p. Cầu Hàng	11/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		

4. Phường An Bình

108	Phạm Lê Uyên Thảo	3600875418	47A8018286	271792475	116/1 KP1	01/7/2021- 22/8/2021	3.000.000		
109	Phạm Thị Hương	3600382229	47A8028449	270953090	52/6 KP2	01/7/2021- 22/8/2021	3.000.000		
110	Đỗ Thị Kim Bằng	3602471481	47A8030382	270970222	24/14 KP3	01/7/2021- 22/8/2021	3.000.000		
111	Nguyễn Thị Hoa	8312991512	47A8047092	272398197	A23 Tổ 8B	01/7/2021- 22/8/2021	3.000.000		
112	Nguyễn Thị Diệu Liên	3600872569	47A8018064	270666382	KP8	01/7/2021- 22/8/2021	3.000.000		
113	Võ Thanh Bình	3600524184	4707002251	270666344	Tổ 8 kp9	01/7/2021- 22/8/2021	3.000.000		
114	Ngô Trường Luận	3603304973	47A8046923	271812236	Tổ 1 KP11	01/7/2021- 22/8/2021	3.000.000		
115	Võ Văn Cường	3601296163	47A8011581	271777741	234 Tổ 2 kp11	01/7/2021- 22/8/2021	3.000.000		
116	Vũ Đức Huỳnh	8253684683	47A8068544	142678322	300 Tổ 4 KP11	01/7/2021- 22/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
117	Karaoke 1439	8253692444	47A8054410	271420711	39/14 KP3 An Bình	01/5/201- 31/8/201	3.000.000		
118	Trình Kim Oanh	3603205193	47A8053920	271754907	39/14A KP3 An Bình	5/5/2021- 31/8/2021	3.000.000		
119	Nguyễn Thị Hương	8610280708	47A8070999	1199014787	Tổ 9 KP12 An Bình	01/8/201 - 22/8/201	3.000.000		
120	Finn Arobi	3603486240	47A8055236	272140055	3A Tổ 10 KP5	09/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
121	Trương Ngọc Long	8253683175	47A8041291	272438495	91/2 Tổ 2 KP12	10/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
122	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	3603780901	47A8070843	272486423	A32 Tổ 8 KP5	12/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
123	Huỳnh Thị Quỳnh Giang	8103015771	47A8038784	271862867	Tổ 6 KP10	31/5/2021- 22/8/201	3.000.000		
124	Trần Thị Dung	8548125793	47A8064682	272848748	Tổ 7 KP11	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
125	Nguyễn Thị Huyền Vân	3603197672	47A8042304	270970302	91/3 KP12	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
126	Tạ Quốc Dũng	3603133742	47A8040357	271358924	372 KP12	01/7/2021- 22/8/2021	3.000.000		
5. Phường Tân Biên									
127	Bùi Xuân Hòa	3600854094	47A8015715	272011858	19/5 kp1 Tân Biên	01/07/2021	3.000.000		
128	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	3603174065	47A8041382	272889092	188, KP1, Tân Biên	01/07/2021	3.000.000		
129	Phạm Thị Tường	8409459245	47A8049282	270143845	168, Xa Lộ Hà Nội	01/07/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức dễ nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
130	Nguyễn Thị Đình	8219719495	47A8054308	270387854	275/1, kp1	01/07/2021	3.000.000		
131	Phạm Nguyễn Ngọc Bích	3602442554	47A8030625	271740097	305A/3, Kp4	01/07/2021	3.000.000		
132	Nguyễn Văn Phi	3602363912	47A8028343	270704371	247/1, Kp1	01/07/2021	3.000.000		
133	Phạm Thị Lệ Kim	8219720356	47A8044227	270730897	293B/1 kp1	01/07/2021	3.000.000		
134	Đinh Thị Thanh Xuân	3603449376	47A8052788	272759500	Chợ Sắt	01/07/2021	3.000.000		
135	Nguyễn Thị Thanh Đàm	3603447379	47A8052667	270405279	Chợ Sắt	01/07/2021	3.000.000		
136	Nguyễn Thanh Tâm	3603153308	47A8040708	270805548	Tổ 2, KP 1	01/07/2021	3.000.000		
137	Trần Trung Kiên	3603720902	47A8067068	52085000072	90/5, KP 6	01/07/2021	3.000.000		
138	Nguyễn thị Xuân Thu	3602189125	47A8048108	271067629	25E/82, kp1	01/07/2021	3.000.000		
139	Nguyễn Thị Kim Trang	3603065549	47A8038524	270794471	228/1, kp1	01/07/2021	3.000.000		
140	Đinh Văn Thọ	3600814743	47A8009036	270934042	12B/82, kp1	01/07/2021	3.000.000		
141	Nguyễn Thị Kim Dung	3600866501	47A8017928	270405064	11/82, kp1	01/07/2021	3.000.000		
142	Trần Thị Tuyết Minh	3600619573	47A8003241	270746042	17/5, kp1	01/07/2021	3.000.000		
143	Phạm Thị Hồng Quyên	3600272762	2661/HKD	271323763	Chợ sắt	01/07/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
144	Lê Vũ Bảo Yến	8187737192	47A8039208	271671956	250/1, kp1	01/07/2021	3.000.000		
145	Nguyễn Ngọc Vũ Hồng Diễm	3603076741	47A8043948	272155209	233/A1, kp1	01/07/2021	3.000.000		
146	Nguyễn Thị Tâm	3602710235	47A8059314	270290870	Chợ sắt	01/07/2021	3.000.000		
147	Phạm Hữu Hương	3603555769	47A8058583	272271607	282, kp1	01/07/2021	3.000.000		
148	Quách Văn dũng	8219719946	47A8049761	270982936	269A/1, kp1	01/06/2021	3.000.000		
149	Nguyễn Thị Hồng Phương	8072144189	47A8059274	271740115	17C/84, kp1	01/07/2021	3.000.000		
150	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	3601468461	47A8049955	271698215	186, XLHN, kp1	01/07/2021	3.000.000		
151	Phạm Thị Dung	3600326746	47A8006676	270794711	Chợ Sắt	01/07/2021	3.000.000		
152	Nguyễn Thị Kim Oanh	3600318368	47A8001898	270404573	47A/5, kp1	01/07/2021	3.000.000		
153	Nguyễn Năng Cao	8289872144	47A8043544	230672537	82A/4, kp10	01/07/2021	3.000.000		
154	Nguyễn Xuân Hiến	8219728556	47A8043431	270118041	146/5 kp2	01/07/2021	3.000.000		
155	Nguyễn Thị Thu Hà	8608110603	47A8061829	271498656	13A/7, KP 5A	01/07/2021	3.000.000		
156	Nguyễn Thị Ngọc Bích	3603169121	47A8068257	271671339	B2 Kp5A	01/07/2021	3.000.000		
157	Đặng Thị Hồng Nghĩa	3603480471	47A8054868	271966368	Kios 8, chợ sắt	01/07/2021	3.000.000		

STT	Tên Họ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
158	Bùi Văn Dự	3600310390	47A8021460	270805046	2/4 kp6	01/07/2021	3.000.000		
159	Vũ Thành Phương	8421200305	47A8051736	272334168	99/5 kp6	01/07/2021	3.000.000		
160	Phạm Đỗ Chí Nhân	3600810435	47A8014613	271498717	26C/5 kp6	01/07/2021	3.000.000		
161	Nguyễn Thị Tuyết Xuân	3603655763	47A8063610	272079375	67/24 kp6	01/07/2021	3.000.000		
162	Nguyễn Thị Thanh Vân	3602455948	47A8008545	270771200	104/5, kp6	01/07/2021	3.000.000		
163	Phạm Minh Tuấn	3600270324	47A8010131	270805047	103/5, kp6	01/07/2021	3.000.000		
164	Phạm Thị Trinh	3600270557	47A8041946	270746392	105/5, kp6	01/07/2021	3.000.000		
165	Nguyễn Văn Phụng	8066111876	47A8060271	271073417	87/6, kp6	01/07/2021	3.000.000		
166	Nguyễn Trung Toàn	3603284847	47A8045745	271914444	Tổ 16 Kp 8A	01/07/2021	3.000.000		
167	Mai Thị Xuân	8402880623	47A8059530	270400703	62/3, kp8B	01/07/2021	3.000.000		
168	Nguyễn Thị Nhung	3602212021	47A8026639	271076476	612 QL 1A, kp10	01/06/2021	3.000.000		
169	Phạm Thị Bảo Ngọc	3602931925	47A8062388	271073060	Chợ Sắt	01/05/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
170	Vũ Thị Thúy Hằng	3600270035	47A8043039	270401012	92/5, kp6	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
171	Ngô Khắc Hoài	8128726047	47A8064621	272449427	70/6, kp6	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
172	Nguyễn ngọc Thạch	8427821852	47A8057649	271959819	371/8, kp5b	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
173	Phạm Thị ngọc Diễm	8209497733	47A8044402	271323380	14/3, kp8B	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
174	Lê Thị Hằng Nga	3603073596	47A8038901	271960806	229/3, kp4	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
175	Lê Nguyễn Miên Hằng	3601030734	47A8022338	271548849	427/8, kp5B	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
176	Đào Thị duyên	3600342699	4707004037	270387217	Chợ Sắt	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
177	Phạm Thị Trung	3602870581	47A8033646	270391958	23/3, kp4	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
178	Phạm Thị Lương	3600370826	47A8000328	270391021	302/3, kp4	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
179	Dương Thị Chính	3600370946	47A8039439	270703811	297/3/kp4	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
180	Vũ Thị Hiền	8088889444	47A8062227	271142210	300/3, Tổ 9, kp4	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
181	Phạm Thị Hồng Ngự	3603547662	47A8058219	271740304	46/3, kp4	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
182	Phạm Thị Ngọc Tuyền	3600634941	47A8004453	271323394	Chợ Sắt	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
183	Vũ Thị Tuyết Mai	3600807048	47A8013944	271323404	876,kp8A	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
184	Vũ Văn Lễ	3603522724	47A8057115	272718536	68/3, kp8B	01/07/2021 - 31/09/2021	3.000.000		
185	Lê Toàn	8345676280	47A8062169	271965219	133.KP3	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
186	Dương Thị Kim Nhung	3600792296	47A8013240	271444072	chợ Sắt	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
187	Phạm Thị Loan	3600319202	47A8007430	270402101	chợ Sắt	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
188	Phạm Thiên Tân	3601385455	47A8007187	270391769	45/1 KP3	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
189	Trần Thị Kim Diễm	8610804165	47A8060432	271949293	289/1, kp1	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
190	Lý Đình Tuấn	3600317614	47A8003041	272298455	26/82, kp1	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
191	Lê Thị Luyện	3602504507	47A8027194	270389974	57/2, kp8	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
192	Phạm Thị Ban	3600271046	2658/TMBH	270391892	Chợ sắt	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
193	Trần Văn Ngọc	3602793383	47A8032004	270392295	305/2, kp8A	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
194	Phạm Văn Phúc	3600788959	47A8001542	270704178	241/3	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
195	Vũ Ngọc Cát Tiên	3600273621	47A8058140	272448205	Chợ sắt nhỏ	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
196	Trần Văn Vệ	3603655788	47A8063612	034081003865	81/4 Kp 10 - P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
197	Phạm Ngọc Tuấn	3603589510	47A8060222	037086001080	131/1 KP 10 - P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
198	Nguyễn Thị Bích Tuyền	3603656534	47A8062954	272718868	77 KP10 - P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
199	Lê Bình Nguyễn	3603175975	47A8041461	271740292	83A/4 KP 10 - P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
200	Hà Thị Thủy	8076814405	47A8042040	272269136	9/10 Tổ 2 - KP 10 - P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
201	Đào Thị Thu Thủy	3600399494	47A8034733	271252520	134/4 KP 10 - P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
202	Nguyễn Hữu Toát	3602663017	47A8056660	270393159	45 đường 510 - Kp 10 - P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
203	Nguyễn Thị Bích Hợp	3600682448	47A8041377	270794361	128/4 KP 10 - P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
204	Đào Thị Bích Nga	3600627341	47A8004185	270391156	Chợ sắt nhỏ - P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
205	Lê thị Mộng Diệp	3600273501	4707000594	271067533	Chợ sắt nhỏ - P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
206	Phạm Thị Thắm	3600447814	47A8039680	271252519	Chợ sắt nhỏ - P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
207	Phạm Thị Lộc	3600330164	47A8055181	270387672	Chợ sắt nhỏ - P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
208	Nguyễn Thị Thường	3603077992	47A8041827	270794618	251/1 P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
209	Đỗ Tường Nhi	3603153234	47A8040701	271444015	278/1 KP 1 - P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
210	Đào Thị Cẩm Vân	3600840736	47A8015457	270392313	293F/1 Kp 1 - P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
211	Lê Quang Thái	3603446706	47A8052656	271691156	31/5 KP1 - P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
212	Nguyễn Thị Kim Chi	3600317692	47A8042520	270782658	99/7 KP1 - P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
213	Vũ Thị Hạ Vân	3603403491	47A8050567	272466585	18K/6 KP6 - P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		

STT	Tên Họ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
214	Quách Quốc Dũng	8219744029	47A8060542	271885231	24B/1 - KP8A- P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
215	Phạm Đình Huân	3603439699	47A8052285	271358321	15/1 KP 8A- P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
216	Phạm Thị Thanh Thúy	3600404747	47A8031282	271158749	19B/1 - Kp 8A - P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
217	Nguyễn Thị Bình Yên	3603657111	47A8063626	271498131	120B/4 KP10, P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
218	Vũ Thị Lệ Thu	3600316956	47A8039988	270704026	2A/7 KP5A, P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
219	Nguyễn Kim Thanh	3600289163	32561TMBH	270588692	152/4, KP10, P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
220	Nguyễn Thị Thanh Tuyết	3603521304	47A8057238	075192000886	63A/4 KP10, P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
221	Đinh Thị Tâm	3603377403	17A8019401	272807619	526, KP10, P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
222	Dương Thị Hằng	8344340834	47A8058182	186432689	451/4, KP10, P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
223	Nguyễn Thị Hiền	8467378098	47A8055423	271444323	120/4 KP10- P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
224	Trần Xuân Thúy	3603657471	47A8063030	037085001220	14/4 KP10 - P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
225	Đào Thị Khánh Ly	3600469575	47A8002767	270985023	127/4 Kp 10- P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
226	Nguyễn Trần Minh Mẫn	8000782425	47A8063633	271691213	468/4 KP 10- P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
227	Phạm Thị Ánh Hồng	3600370897	47A8002569	270703597	Chợ Sắt nhỏ P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
228	Quách Trường Giang	3603323623	4718047972	271437950	50A/5 KP2- P. Tân Biên	01/05/2021 - 31/05/2021	3.000.000		
229	Trần Quốc Thường	3600325559	47A8002764	270401154	66/5 Kp2 - P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
230	Phạm Thị Hằng	3600320656	4718046342	270703775	116K/5 KP2- P. Tân Biên	01/05/2021 - 31/05/2021	3.000.000		
231	Nguyễn Mạnh Thế	3603532546	47A8057734	272959636	76C/4 KP2 - P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
232	Nguyễn Thị Thu Cúc	3600447878	47A8043918	271242339	25/7B KP5A	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
233	Phạm Thị Lệ Huyền	3602416642	47A8002501	021772592	4/7 KP5A	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
234	Đào Thị Hồng Vân	3602580057	47A8032451	271263147	62D/7 KP5A	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
235	Phạm Thị Bích Liên	3600313641	3261/7TMBH	270391115	2/7 KP5A	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
236	Quách Thị Tú Uyên	3602329774	47A8027236	271740661	13/7 KP5A	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
237	Kiều Thị Thu	3603435824	47A8056244	276029516	Chợ Sắt, sạp 138	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
238	Phạm Thị Bích Thủy	3602485163	47A8030706	270914326	109 KP5A	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
239	Phạm Anh Thủy Vi	3603223040	47A8043553	272582219	5, Tổ 1 KPI	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
240	Trần Thị Hoàng	3600342787	47A8048961	270391978	Chợ Sắt	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
241	Phạm Thị Kiều Diễm	3603443889	47A8052489	271059775	143 Nguyễn Ái Quốc, KP3	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức dễ nghỉ hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
242	Hà Thị Thu Hà	3600320399	2506/ TMBH	270872782	Chợ Sắt	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
243	Nguyễn Thị Kim Doanh	8565602076	47A8066032	270703312	97/36/77/17 KP3	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
244	Phạm Hồng Đức	8097777169	47A8041260	271946523	25/1 KP3	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
245	Đào Thị Diệu	3600341984	4707001789	270391249	Chợ Sắt	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
246	Đào Duy Linh	8314780482	47A8065583	271158936	114B/1 KP3	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
247	Hoàng Thị Thủy Hương	3603672092	47A8064643	270949992	137 KP3	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
248	Phạm Anh Tuấn	8246031281	47A8048928	271960780	36/1 KP3	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
249	Bùi Thị Kim Thu	3600980483	47A8021591	270662580	6B/76 KP3	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
250	Lê Thị Thủy Hằng	3600272963	47A8057650	270794886	Chợ Sắt	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
251	Quách Năng Thuận	3600705670	47A8008711	270703746	Chợ Sắt	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
252	Tô Minh Quang	3603561554	47A8058835	272345815	105/5 KP2	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
253	Phạm Thị Bồng	3600344022	4707004036	270391830	Chợ Sắt, P.Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
254	Phạm Ngọc Dũng	3600701796	47A8007847	271323715	Chợ Sắt, P.Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
255	Phạm Văn Hào	8368966518	47A8048016	270914660	92/5 KP2 - P. Tân Biên	01/05/2021 - 31/05/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
256	Phạm Thị Khánh Hồng	3600814817	47A8009710	271067447	145/2 Tổ 2, KP2 - P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
257	Nguyễn Duy Long	3602866899	47A8058900	271073331	218E/4 KP2 P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
258	Đào Thị Kim Ngân	3603319190	47A8047750	271965201	5/1 KP3, P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
259	Phạm Đình Sơn	3602692836	47A8049047	270703974	3B/2 KP3 (số mới 89 Nguyễn Ái Quốc KP3), P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
260	Phạm Văn Thận	3600594576	4707003848	270586531	26/2 KP3, P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
261	Phạm Quốc Tuấn	3600927426	47A8048717	271415498	193 Nguyễn Ái Quốc	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
262	Phạm Thị Mỹ Hạnh	3602485205	47A8029648	271498831	8/3 KP3, P. Tân Biên	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
263	Nguyễn Minh Tâm	3603768936	47A8070075	270703211	02 Nguyễn Ái Quốc, kp4	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
264	Phạm Thị Cẩm Nhung	3600371040	47A8009760	271059552	Chợ Sắt	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
265	Phạm Thị Huệ	3600318248	47A8001962	270384887	48 Xa Lộ Hà Nội	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
266	Nguyễn Thị Hải	3600343854	47A8002572	271117696	Chợ sắt	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
267	Bùi Quang Hoàn	3602097883	47A8003598	270388807	540(Số cũ 91/4, kp10)	01/06/2021 - 31/07/2021	3.000.000		
268	Dương Thị Thanh Thủy	3600320790	47A8003354	270703742	chợ Sắt	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
269	Vũ Thị Kim HẠnh	3602506046	47A8030900	271740921	46C/7, kp5A	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
270	Đào Thị Kim Ngân	3600814990	47A8010190	271067493	121/4A, kp10	01/07/2021	3.000.000		
271	Đào Thanh Tùng	3603393469	47A8050084	272409791	96/5, kp9	01/07/2021	3.000.000		
272	Trần Đức Hoàng	8219745706	47A8052048	270771258	168A/3, kp8	01/07/2021	3.000.000		
273	Nguyễn Mạnh Dỗi	8130145000	47A8053747	174240039	183, kp8B	01/07/2021	3.000.000		
274	Nguyễn Văn Duy	3600647605	47A8004115	270392926	78B/4, kp7	01/07/2021	3.000.000		
275	quách thanh cảm	3600324435	47A8004900	271252523	154/2, kp7	01/07/2021	3.000.000		
276	Chu Thị Tuyển	3600325887	4707000026	270391397	182A/2,kp7	01/07/2021	3.000.000		
277	Chu Thị Liêm	3600342018	47A8000142	270391035	Chợ sắt	01/07/2021	3.000.000		
278	Phạm Thị Đăng	3600594569	47A8041070	270915124	166/2, kp7	01/07/2021	3.000.000		
279	Nguyễn Quang Sĩ	8088507582	47A8034425	270971653	134/104, kp7	01/05/2021	3.000.000		
280	Quách Thanh Lân	3600450856	47A8002916	271059084	181/2,kp7	01/07/2021	3.000.000		
281	Trần Thị Thuýn	3603493713	47A8055710	272319525	296A/4,kp7	01/07/2021	3.000.000		
282	Vũ Văn Yên	3602400628	47A8029610	270387348	143/4, kp7	01/07/2021	3.000.000		
283	Đỗ Văn Tâm	8208905588	47A8032487	271990544	180/8 KP5B	01/07/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
284	Nguyễn Thị Cẩm Lệ	8209907919	47A8063583	271872790	234/8 KP5B	01/07/2021	3.000.000		
285	Phạm Văn Thu	8219735401	47A8030877	272112915	KP6	01/07/2021	3.000.000		
286	Trần Thị Nhã	3600310633	4707003165	270422348	95/5 KP6	01/07/2021	3.000.000		
287	Trần Hữu Bắc	3603670994	47A8063897	042093000149	160/5, kp9	01/05/2021	3.000.000		
288	Phạm Thanh Thủy	3600320818	47A8002809	271157363	211/3, kp5	01/07/2021	3.000.000		
289	Phạm Hoàng Long	8048276201	47A8049659	271437935	23/5, kp1	01/07/2021	3.000.000		
290	Vũ Thị Mai Hoa	3600485947	4707000588	270391179	Chợ Sắt	01/07/2021	3.000.000		
291	Phạm Thị Phúc	3600487567	47A8032586	271067350	295/3, kp4	01/07/2021	3.000.000		
292	Trần Thị Ánh Hồng	3600473388	4707000605	270392404	Chợ Sắt	01/07/2021	3.000.000		
293	Phạm Văn Trơ	3600313384	47A8000329	270392460	288/3, kp4	01/07/2021	3.000.000		
294	Phạm Thị Hoàng	3600273004	47A8012384	270746008	Chợ Sắt	01/07/2021	3.000.000		
295	Quách Thanh Tùng	3603491554	47A8055580	270392235	216/3, kp4	01/07/2021	3.000.000		
296	Phạm Thị Lệ Trinh	0301625037	47A8025267	271073163	195/3, kp4	01/07/2021	3.000.000		
297	Đào Thị Thu Hà	3603305575	47A8072115	271448188	Tổ 17, kp6	01/07/2021	3.000.000		

STT	Tên Họ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức dề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
298	Chu Thị Chung	3600341952	4707000596	270392089	Chợ Sắt	01/07/2021	3.000.000		
299	Huỳnh Thị Nga	3600311877	4707001988	271323298	13B/7, kp5A	01/07/2021	3.000.000		
300	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	3600316917	47A8019727	271358305	13D/7, kp5A	01/07/2021	3.000.000		
301	Nguyễn Thị Sang	8219744237	47A8050561	272271484	436A/2,kp8A	01/07/2021	3.000.000		
302	Bùi Văn Vinh	3602669890	47A8032156	075065000864	646k/8, kp5B	01/07/2021	3.000.000		

6. Phường Tân Hiệp

303	Hoàng Thị Duyên	3603272538	47A8045029	272680112	136/137 KP 5	01/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
304	Nguyễn Tiến Dũng	8201706946	47A8023349	272140327	C383-384 Tổ 17 KP 5	01/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
305	Trình Bá Thoại	3603505020	47A8071756	272601910	B5 Tổ 18 KP 5	01/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
306	Trần Thị Thu Mười	8038223063	47A8064258	280826383	B167 Tổ 18 KP 5	01/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
307	Phạm Thuý Hằng	3603746996	47A8068732	034180006821	99 DK KP 4	01/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
308	Lương Văn Dự	3602442836	47A8027804	271408563	F23A Tổ 4 KP 5	01/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
309	Phùng Chí Hiếu	3603204344	47A8011783	111376892	B4 Tổ 2 KP 4	01/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
310	Phạm Văn Tuấn	8241963516	47A8052535	121595672	49/4B Tổ 7 KP 3	01/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
311	Lê Văn Long	3603751763	47A8069052	272795730	14/2A Tổ 7 KP 3	01/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
312	Dương Văn Quang	8445917187	47A8051376	272835789	B66 Tổ 18 KP 5	01/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
313	Nghiêm Quang Hậu	8246130733	47A 8062787	151230042	99 ĐK KP 4	01/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
314	Phạm Duy Dương	3601991294	47A 8039259	272299157	C363 Tổ 17 KP 5	01/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
315	Hoàng Thị Hoà	3603669572	47A8064391	276036961	468/1/6 KP 3	01/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
316	Đinh Thị Thương	3603423850	47A8051709	164241529	12A6 Tổ 6 KP 3	01/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
317	Mai Thị Thu Thủy	0302865137	47A8003367	023474939	KP 4	01/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
318	Đinh Thị Tuyết Thanh	8068099261	47A8047381	271234868	865 NAQ KP 2	01/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
319	Hồ Thị Ngọc Phương	3603400003	47A8050373	272289458	C221 Tổ 16 KP 5	01/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
320	Trần Thị Trang	3603435905	47A8058420	272884689	SAP 181 CHỢ	01/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
7. Phường Tân Hạng									
321	Phùng Văn Luận	8323500928	47A8065153	271263736	119B kp1	01/8/2021 - 31/12/2021	3.000.000		
322	Nguyễn Anh Tuấn	8195185587	47A8057820	270142991	20B kp1	11/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
323	Lê Ngọc Hoàng	8020588271	47A8052080	271554006	227 kp3	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		

STT	Tên Hệ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức dề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
324	Dương Kim Chi	3600890021	47A8021315	271143721	187 kp3	11/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
325	Võ Kim Liên	3600305714	4707003349	270162862	154 kp4	11/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
326	Phạm Tiến Duẩn	3702535259	47A8053998	281142630	07 kp1	11/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
327	Nông Thị Yên	8023374091	47A8055084	250684303	88 kp3	11/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
328	Phan Văn Tân	3602249215	47A8027596	272286466	43 bis kp3	11/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
329	Võ Thùy Loan	3603176150	47A8040452	272095391	1505 kp1B	11/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
330	Mai Sơn Điền	3600307006	47A8000383	270142491	112A kp1	11/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
331	Nguyễn Văn Hải	3600302946	47A8005102	270709036	10C kp1	11/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
332	Lê Thị Thanh Hương	3603619821	47A8061407	271898715	38B kp1	11/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
333	Đoàn Đăng Bảo Ngọc	8013981227	47A8044104	272286422	Tổ 5, kp1	01/08/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
334	Dương Thị Thu Mai	3602673921	47A8031316	321560493	79A kp1	11/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
335	Đoàn Đại Nghĩa	8106735383	47A8062602	271566150	383 kp1	11/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
336	Trần Thị Lý	3603405442	47A8050670	271415953	104B kp1	11/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
337	Trương Thị Năm	3601771683	47A8024319	271919132	270A kp1	01/08/2021 - 31/08/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
338	Lê Thanh Trang	3603185726	47A8045518	272445306	83 kp1	01/08/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
339	Lê Thế Hân	3603539541	47A8057856	038088002961	28/80 kp2	11/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
340	Nguyễn Thị Thu Loan	3603300425	47A8022359	311372377	99B/7 kp2	11/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
341	Lê Phước Thiện	3602673978	47A8033256	270751054	371 kp1	11/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
8. Phường Tân Hòa									
342	Trần Văn Thông	3602911566	47A8065766	272557857	202/116, KP4	01/07/2021	3.000.000		
343	Vũ Văn Phổ	3600835510	47A8014881	271478064	112/3 KP1	01/05/2021	3.000.000		
344	Hứa Thị Thín	8108350692	47A8053776	261047201	Tổ 21 kp4	01/07/2021	3.000.000		
345	Vũ Đình Doanh	3600602890	47A8002399	272237944	78/4 KP4	01/07/2021	3.000.000		
346	Nguyễn Trung Hùng	8238264003	47A8022529	270662909	85/3 KP4	01/07/2021	3.000.000		
347	Bùi Thị Hồng	3600451666	47A8046207	270395498	64/3 kp4	01/07/2021	3.000.000		
348	Vũ Quốc Anh Tuấn	3602686487	47A8021607	271380478	70B/3 KP4	01/07/2021	3.000.000		
349	Phạm Quang Vinh	8504012577	47A8065404	271740265	5/5, KP4	01/07/2021	3.000.000		
350	Nguyễn Thị Hằng	8315544054	47A8052761	271242564	24A/4 kp4	01/07/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức dề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
351	Triệu Văn Tàn	3600348605	47A8000421	270395742	40/5 KP4	01/07/2021	3.000.000		
352	Vũ Hoàng Ất	3603054353	47A8030452	272193412	78D/5 Tổ 21 KP4	01/07/2021	3.000.000		
353	Lê Văn Hòa	8219615376	47A8027766	271160833	Tổ 23 KP4	01/07/2021	3.000.000		
354	Hoàng Mông Diệp	3603262120	47A8036854	271142141	203/76 kp4	01/07/2021	3.000.000		
355	Nguyễn Thanh Trúc	8092899501	47A8051423	301262166	346/70 kp4	01/07/2021	3.000.000		
356	Đào Minh Nhật	8547096740	47A8063605	272150075	9A/L, KP 5	01/07/2021	3.000.000		
357	Trần Thị Kim Hoa	3602292605	47A8027984	272151357	63/3A kp4	01/07/2021	3.000.000		
358	Vũ Hoàng Tuấn Anh	8041172718	47A8069862	271854487	29/1 kp5	01/07/2021	3.000.000		
359	Tô Thị Hồng	3602952058	47A8033623	270805115	28/4B KP5	01/07/2021	3.000.000		
360	Đào Thị Thủy Liễu	3602962017	47A8035764	270915535	105/2 kp5	01/07/2021	3.000.000		
361	Nguyễn Hoài Sơn	3603651053	47A8060716	272327434	128/44 kp5	01/07/2021	3.000.000		
362	Nguyễn Mung	3601418661	47A8053692	270662389	74/2 kp5	01/07/2021	3.000.000		
363	Phạm Thị Bích Vân	3601302755	47A88040142	270704676	20/1 KP5	01/07/2021	3.000.000		
364	Lê Đông Thuận	3601399803	47A8061179	271633459	91/2B KP5	01/07/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
365	Vũ Thị Kim Nhung	3600898214	47A8010091	270395482	Tổ 3 KP5	01/07/2021	3.000.000		
366	Lê Thị Huyền Trang	3603088320	47A8053838	271400846	272 kp5	01/07/2021	3.000.000		
367	Cao Thị Đan Thanh	3603777137	47A8070369	271252422	60/1, KP5	01/07/2021	3.000.000		
368	Mai Hoàng Dũng	3600311933	3037/TM-BH	271059185	60/1 KP5	01/06/2021	3.000.000		
369	Nguyễn Thị Cẩm Loan	3602729691	47A8029823	271766333	57 Kp5 P. Tân Hòa	01/07/2021	3.000.000		
370	Lê Thị Cúc	8241958996	47A8055576	331351217	11C/1 kp5	01/07/2021	3.000.000		
371	Vũ Trung Thành	8310504107	47A8066581	271951602	25A/1, KP5	01/07/2021	3.000.000		
372	Mai Hồng Ân	3603425061	47A8051760	79068002248	306 kp5, P. Tân Hòa	01/07/2021	3.000.000		
373	Nguyễn Thị Thương Thương	3603372684	47A8049172	271951509	290 kp5	01/07/2021	3.000.000		
374	Nguyễn Sơn Hải	3600972002	47A8020314	272444744	18A/2 .kp5	01/07/2021	3.000.000		
375	Quần Văn Trúc	3600693087	47A8008483	270397053	118/2 KP5	01/07/2021	3.000.000		
376	Nguyễn Duy Cường	3603047821	47A8037366	271548485	105A/2, Tổ 7, KP 5	01/07/2021	3.000.000		
377	Mai Đức Thanh	8238269058	47A8062108	270963263	260 kp5	01/07/2021	3.000.000		
378	Võ Thị Lan Phương	3603600034	47A8060790	272150525	81/3 kp6	01/07/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
379	Phạm Thị Khiết	8238272318	47A8044927	270656127	99C/1 kp7	01/07/2021	3.000.000		
380	Nguyễn Văn Vang	3603372701	47A8049163	270377731	144/2 kp7	01/07/2021	3.000.000		
381	Nguyễn Thị Mộng Thu	8238273174	47A8040480	271242336	64A/1 kp7	01/07/2021	3.000.000		
382	Nguyễn Quốc Khánh	8238257415	47A8045432	270771144	1B KP7, P. Tân Hòa	01/07/2021	3.000.000		
383	Nguyễn Đạt Thịnh	3603455348	47A8053100	271380424	112/1 kp7	01/07/2021	3.000.000		
384	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	3600679879	47A8001664	270394658	12/1 KP 7	01/07/2021	3.000.000		
385	Đặng Văn Lân	3600305111	47A8025682	270377427	2/1 KP7	01/07/2021	3.000.000		
386	Nguyễn Ngọc Sang	3603664380	47A8056338	271959782	20/3, KP 7	01/07/2021	3.000.000		
387	Đặng Thị Ngọc Ánh	8036459994	47A8052782	271380526	39/1 kp7	01/07/2021	3.000.000		
388	Đỗ Thị Thuý	8399215832	47A8050405	270662091	101C/10 KP9	01/07/2021	3.000.000		
389	Nguyễn Thị Thùy Trang	3602680421	47A8051909	271548073	kp9	01/07/2021	3.000.000		
390	Vũ Thị Kim Yến	8238277387	47A8066056	271158875	124/10, KP9, P. Tân Hòa	01/07/2021	3.000.000		
391	Nguyễn Thị Ngọc Hải	3602082541	47A8025497	271569421	21/10, KP9, P. Tân Hòa	01/07/2021	3.000.000		
392	Trịnh Ngọc Phi	8100427625	47A8042546	270914054	21/10, KP9, P. Tân Hòa	01/07/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
393	Nguyễn Đức Huy	3603662961	47A8062051	271951395	75A/5 KP10	01/07/2021	3.000.000		
394	Trình Thị Minh Thùy	3601649443	47A8065555	271848310	8B/6, KP 10, P.Tân Hòa	01/07/2021	3.000.000		
395	Vũ Thị Bích Xuân	8238277193	47A8059229	270397157	43B /10 kp10	01/07/2021	3.000.000		
396	Nguyễn Thị Yến Hương	3600318946	47A8009121	270394221	10/6 kp10	01/07/2021	3.000.000		
9. Phường Tân Vạn									
397	Nguyễn ngọc Trung	8330022359	47A8067437	230689788	A4/350	09/7/2021- 30/8/2021	3.000.000		
398	Huỳnh Công Hậu	8069082140	47A8045311	271591167	A2/326 Kp 2 Tân Vạn	09/7/2021- 30/8/2021	3.000.000		
399	Huỳnh Thị Tâm	3600325196	47A8002209	270948207	A3/302	09/7/2021- 30/8/2021	3.000.000		
400	Phạm Đức Phong	3603542287	47A8057972	024089001464	A1/46A, KP1	09/7/2021- 30/8/2021	3.000.000		
401	Nguyễn Kim Chi	3600832301	47A8016532	270948396	A1/167D, KP1	09/7/2021- 30/8/2021	3.000.000		
402	Đặng Thị Hai	3600684660	47A8007070	320574149	Chợ Tân Vạn	07/9/2021- 30/8/2021	3.000.000		
10. Phường Trung Dũng									
403	Nguyễn Minh Đức	8201727505	47A8061527	271599115	274, đường 30/4, kp2, p.Trung Dũng	9/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
404	Nguyễn Hoàng Minh	8046292991	47A8065853	271767495	1660, kp6, p. Trung Dũng	9/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức dễ nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
405	Hồ Tuấn Hùng	3603400081	47A8050357	079085002063	1794, kp6, p.Trung Dũng	11/7/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
406	Nguyễn Thị Thu Hương	3603257000	47A8044455	272855228	45H, kp6, p.Trung Dũng	1/7/2021 - 31/12/2021	3.000.000		
407	Nguyễn Ngọc Cường	3602573275	47A8032305	271458079	1/A4 kp6, p.Trung Dũng	10/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
408	Nguyễn Minh Toàn	8111486534	47A8046440	271789815	2119, kp5, p.Trung Dũng	9/7/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
409	Lê Thị Thanh Lan	3601992604	47A8071233	272224358	19A, kp6, p.Trung Dũng	1/5/2021 - 31/12/2021	3.000.000		
410	Võ Minh Trí	8222971656	47A8026826	270948679	Tổ 28, kp3, p.Trung Dũng	1/5/2021 - 31/12/2021	3.000.000		
411	Huỳnh Thị Kim Hằng	8013766621	47A8070226	271885657	1876, Tổ 15, kp6, p.Trung Dũng	9/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
412	Nguyễn Thị Hào	3600487528	47A8003245	270826810	366, kp1, p.Trung Dũng	9/7/2021 - 31/12/2021	3.000.000		
413	Huỳnh Minh Đức	3602846500	47A8034555	271491253	322A, đường 30/4, kp1, p.Trung Dũng	9/7/2021 - 21/8/2021	3.000.000		
414	Trương Chi Thành	3600663075	47A8006564	270972792	322/1A, kp1, p.Trung Dũng	1/6/2021 - 31/12/2021	3.000.000		
415	Vũ Văn Chính	3603074913	47A8038831	270067056	328/7, đường 30/4, kp1, p.Trung Dũng	9/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
416	Trần Lê Thanh Vy	8449546712	47A8071812	272487683	322/9, kp1, p.Trung Dũng	1/5/2021 - 31/12/2021	3.000.000		
417	Đỗ Hoài Phương	8345130452	47A8060069	272247388	67/4, kp2, p.Trung Dũng	1/5/2021 - 31/12/2021	3.000.000		
418	Nguyễn Thị Hai	3600427102	47A8001391	270097270	246, đường 30/4, kp2, p.Trung Dũng	1/5/2021 - 31/12/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
419	Lê Tuấn Anh	3600916801	47A8069735	271161009	240, đường 30/4, kp2, p.Trung Dũng	1/5/2021 - 31/12/2021	3.000.000		
420	Đặng Đức Huy Phong	3600643985	47A8048638	271182121	113, đường 30/4, kp2, p.Trung Dũng	1/5/2021 - 31/12/2021	3.000.000		
421	Trần Đức Thắng	8354897046	47A8047990	272535684	115, đường 30/4, kp2, p.Trung Dũng	1/5/2021 - 31/12/2021	3.000.000		
422	Vũ Thị Hương Xuân	3600565127	47A8008988	271491204	312, đường 30/4, kp2, p.Trung Dũng	9/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
423	Nguyễn Thị Tuyết Nga	3603206246	47A8042778	075177001233	206, kp2, p.Trung Dũng	9/7/2021 - 31/12/2021	3.000.000		
424	Lê Việt Trang	3602372057	47A8044359	272388902	242C, kp2, p.Trung Dũng	9/7/2021 - 31/12/2021	3.000.000		
425	Đỗ Thị Hà	8087918607	47A8064749	271622258	25/3, kp3, p.Trung Dũng	1/5/2021 - 31/12/2021	3.000.000		
426	Lã Thị Phương Mai	3602696284	47A8033402	271566935	160, đường 30/4, kp3, p.Trung Dũng	1/5/2021 - 31/12/2021	3.000.000		
427	Nguyễn Thị Kim Khôi	3600292575	47A8008008	270018058	164-166, đường 30/4, kp3, p.Trung Dũng	1/5/2021 - 31/12/2021	3.000.000		
428	Lâm Vĩnh Thắng	3600299901	47A8038145	270982268	143A, đường 30/4, kp3, p.Trung Dũng	1/5/2021 - 31/12/2021	3.000.000		
429	Đỗ Thị Ngọc Loan	3603178486	47A8041581	271252777	5/21A, Trại Hoài Đức, kp3, p.Trung Dũng	1/5/2021 - 31/12/2021	3.000.000		
430	Đinh Công Phúc	3600364004	47A8002770	270710789	39/39C, kp3, p.Trung Dũng	1/5/2021 - 31/12/2021	3.000.000		
431	Cao Thái Phong	8044315509	47A807280	270096713	198/9, kp4, p.Trung Dũng	1/5/2021 - 31/12/2021	3.000.000		
432	Nguyễn Thị Kim Hoa	3603710816	47A8066572	271145512	198/9A, kp4, p.Trung Dũng	1/5/2021 - 31/12/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức dễ nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
433	Nguyễn Thị Thu Thảo	8511680790	47A8065918	271239567	198/9, kp4, p.Trung Dũng	1/5/2021 - 31/12/2021	3.000.000		
434	Võ Nhật Hà	8039128239	47A8038043	271247291	72, kp3, p.Trung Dũng	1/5/2021 - 31/12/2021	3.000.000		
435	Chè Múi Phức	3603380572	47A8049563	272133561	59, kp3, p.Trung Dũng	1/5/2021 - 31/12/2021	3.000.000		
436	Nguyễn Hồng Khanh	3600840373	47A8016747	270782800	174/46D, kp3, p.Trung Dũng	1/5/2021 - 31/12/2021	3.000.000		

11. Phường Tam Phước

437	Lê Văn Tùng	3603619807	47A8061474	272992577	A,16, Khu 82, K.P. Long Đức 1	01/06/- 22/08/2021	3.000.000		
438	Nguyễn Thị Trung	8021427608	47A8037519	18656924	Tổ 3, Khu 80, K.P. Long Đức 1	17/5/2021- 23/8/2021	3.000.000		
439	Lê Văn Thắng	3603292862	47A8045336	09024328	Tổ 5, K.P. Long Đức 1	17/5/2021- 23/8/2021	3.000.000		
440	Trương Thị Ngọc	8442762048	47A8061843	272195012	207, Tổ 7b, K.P. Long Đức 3	25/7/2021- 23/8/2021	3.000.000		
441	Tạ Văn Mạch	3602521686	47A8040741	272202440	Tổ 8, K.P. Long Đức 1	9/7/2021 - 23/8/2021	3.000.000		

12. Phường Thanh Bình

442	Lê Kim Ngân	3603277310	47A8064864	272140589	07 Quang Trung, KP1, P. Thanh Bình	09/07/2021 - 21/08/2021	3.000.000		
443	Nguyễn Thị Trung Trinh	3600407970	47A8001204	270694779	Sáp L.10 lâu chợ Biên Hòa	09/7/2021 - 15/7/2021	3.000.000		
444	Cửa hàng bách hóa Kim Tuyến	3603733267	47A8067891	272579062	30A Phan Chu Trinh, P. Thanh Bình	10/7//2021 - 22/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
445	Phạm Tấn Hiếu	0305213323	47A8036517	2711117471	110/22 Phan Đình Phùng, P. Thanh Bình	09/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
446	Lê Thanh Thảo	3600876193	47A8018729	271671187	79 Lê Thanh Tôn, KP1	10/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
447	Nguyễn Thanh Sơn	8308468317	47A8020138	075074001467	104 Phan Đình Phùng, KP2	04/5/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
448	Hứa Thị Ngọc Huệ	3600278563	47A8000230	270057843	24 Võ Tánh, Kp1	15/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
449	Lưu Lê Anh	3600272265	47A8004920	271445368	68 Phan Đình Phùng, KP2	12/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
450	Trương Thị Xuân Mai	3602435388	47A8008939	075161000697	18 Phan Đình Phùng, KP2	09/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
451	Trần Thị Kiều Loan	8337715680	47A8066943	240606948	226 Đường 30/4, P. Thanh Bình	30/4/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
452	Lê Ngô Thị Tuyết Vân	3603094067	47A8039804	271310524	1B1, Đường 30/4, P. Thanh Bình	09/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
453	Nguyễn Ngọc Nga	3600281069	4707000886	270090890	24 Lý Thường Kiệt, KP1	09/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
454	Trần Minh Hải	3603225601	47A8043708	271388756	28 Lý Thường Kiệt, KP1	10/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
455	Nguyễn Thị Bạch Nga	3600311644	47A8000205	270624536	Số 7, Nguyễn Thị Hiền, P. Thanh Bình	10/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
456	Lê Thị Minh Thảo	8020260748	47A8064257	271862981	264 Đường 30/4, P. Thanh Bình	10/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
457	Đỗ Thị Ngát	8319335608	47A8052610	272501417	31, Lê Thánh Tôn, KP1	10/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
458	Phan Thị Diễm Phương	3600274689	47A8032652	271252138	49, Cmt8, Kp1	10/7/2021 - 23/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
459	Quỳnh Tú Giang	3600779305	47A8000395	271364611	303, Phan Đình Phùng, Kp2	10/7/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
460	Nguyễn Thiện Vương	3603559428	47A8058731	272485956	37, Lê Thánh Tôn, Kp1	10/7/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
461	Nguyễn Lê Dũng	3602220181	47A8026523	270061136	Lầu - Sạp A, Chợ Biên Hòa	10/7/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
462	Thái Văn Hải	3602383796	47A8029808	270860579	17, Trần Minh Trí, Kp2	10/7/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
463	Huỳnh Tiểu Linh	3600865579	47A8018683	270642126	05, Võ Tánh, Kp1	10/7/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
464	Nguyễn Thị Chúc	3600305746	47A8030309	049159000639	16, Lê Thánh Tôn	10/7/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
465	Vương Thị Hoàng Oanh	3600304301	47A8055521	270780158	14, Lê Thánh Tôn, Kp1	10/7/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
466	Vương Tú Nghi	3600371516	47A8001446	270642015	10 Nguyễn Thị Giang	09/7/2021 - 23/8/2023	3.000.000		
467	Trần Mỹ Hoa	3601410856	47A8022667	271344984	12a Cũ, 137 Mới, Phan Chu Trinh	09/7/2021 - 23/8/2024	3.000.000		
468	Lê Thị Kim Chi	3602111665	47A8026008	270109637	296 (Ta) Dương 30/4, Kp3	09/7/2021 - 23/8/2026	3.000.000		
469	Nguyễn Hồng Thuận	3600565695	47A8000237	271159029	35 LÝ THƯỜNG KIỆT, Kp1	10/7/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
470	Ngô Kiến Sanh	3602032043	47A8025546	271981202	16 Võ Tánh	30/5/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
471	Nguyễn Thị Hoàng Yến	3603510694	47A8056149	075178002391	76, Hưng Đạo Vương, Kp3	10/7/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
472	Triệu Thị Thủy	3602837626	47A8040552	271539390	08, Kp3	10/7/2021 - 23/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
473	Mai Xuân Chương	0304856385	47A8061399	271364686	55a/2 Trần Minh Trí, Kp3	09/7/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
474	Nguyễn Thị Huyền	8030497009	47A80448605	271904065	10 Đường Trần Minh Trí	09/7/2021 - 30/8/2022	3.000.000		
475	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	3603385404	47A8056475	272687430	5a Trần Minh Trí	31/5/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
476	Hộ Kinh Doanh Vũ Ngọc Hà	3600498720	47A80000715	271435961	16 Nguyễn Trãi, Kp1	09/7/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
477	Nguyễn Thị Thu Hà	8022095049	47A8062577	261112867	Số 2, Trần Minh Trí, Kp3	26/7/2021 - 09/8/2021	3.000.000		
478	Tăng Tú Phụng	3600484164	47A8000350	075153000176	Chợ Biên Hòa, Sáp 47a	10/7/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
479	Nguyễn Ngọc Lang	3600959925	47A8000283	079152007906	92 Hưng Đạo Vương	9/7/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
480	Huỳnh Bích Hương	3602847046	47A8059700	271117510	SỐ 3, LÝ THƯỜNG KIỆT, KPI	10/7/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
481	Phan Ngọc Châu	3603490945	47A8055588	271257315	36 Lê Thánh Tôn, Kp1	09/7/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
482	Trần Thị Kim Viên	3600481290	47A8007751	272589876	9 Lê Thánh Tôn, Kp1	10/7/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
483	Nguyễn Quốc Trung	8528866056	47A8065709	271552353	270 Đường 30/4, Kp3	10/7/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
484	Trần Thị Tuyết Thu	3600857962	47A8018196	271117436	37 Võ Tánh	10/7/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
13. Phường Hiệp Hòa									
485	Nguyễn Như Hải	8168483432	47A8034226	272229423	31A/1 KP Nhất Hòa, Hiệp Hòa	01/8/2021 - 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức dề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
486	Đỗ Tấn Tài	3600402309	47A8013491	270971889	48B/1 KP.Nhất Hòa, Hiệp Hòa	09/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
487	Huỳnh Thị Kêu	3600286490	47A8011996	270236006	453/2 KP.nhị Hòa, Hiệp Hòa	09/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
488	Bảo Quang	3602945371	47A8043262	270972085	144/3B Kp Tam Hòa, Hiệp Hòa	09/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		

14. Phường Tam Hiệp

489	Nguyễn Thị Kim Loan	3603381174	47A8049573	271384857	Tổ 15 KP4 P. Tam Hiệp	01/5/2021	3.000.000		
490	Vũ Trọng Nghĩa	8024671523	47A8054223	270116113	9/8 KP6 P. Tam Hiệp	9/7/2021	3.000.000		
491	Phan Thế Hùng	3602922737	47A8038990	271003118	KP9 P. Tam Hiệp	01/5/2021	3.000.000		
492	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	8346295753	47A8054035	271296173	207/2 KP4 P. Tam Hiệp	5/8/2021	3.000.000		
493	Đặng Thị Hương Lan	3603704121	47A8066179	68183000030	Tổ 5 KP6 P. Tam Hiệp	9/7/2021	3.000.000		
494	Trình Quốc Khôi	3603402931	47A8050530	270412245	120/5 KP5 P. Tam Hiệp	9/7/2021	3.000.000		
495	Nguyễn Hoàng Long	3602089748	47A8026094	270660955	184/36 Kp 1 P. Tam Hiệp	9/7/2021	3.000.000		
496	Nguyễn Trung Tín	3601765785	47A8023000	270985933	746/5 Kp 4 P. Tam Hiệp	9/7/2021	3.000.000		
497	Nguyễn Mạnh Hùng	3600717002	47A8045407	79065019230	510/3A KP4 P. Tam Hiệp	01/5/2021	3.000.000		
498	Phạm Đức Duy	8203058747	47A8026460	272319878	216/2 Tổ 7 kp4 P. Tam Hiệp	09/7/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
499	Phạm Văn Toàn	3603542262	47A8057961	272337787	221/2 kp4 P. Tam Hiệp	09/7/2021	3.000.000		
500	Nguyễn Thị Mỹ Dung	8195190266	47A8056519	270150956	127/13B KP2 P. Tam Hiệp	09/7/2021	3.000.000		
501	Phạm Thị Hiền	3603291393	47A8046133	272637152	629 PVT P. Tam Hiệp	10/7/2021	3.000.000		
502	Bùi Thị Thanh Hoa	3600606863	47A8050841	271241073	17/6 kp6 P. Tam Hiệp	01/5/2021	3.000.000		
503	Nguyễn Hồng Thùy Trúc	8104585090	47A8045283	75191002954	B19 KP6 P. Tam Hiệp	30/5/2021	3.000.000		
504	Trần Thị Hương Trang	3603456655	47A8053261	271179487	866/2 KP3 P. Tam Hiệp	01/5/2021	3.000.000		
505	Nguyễn Thị Tuyết Nga	8283438526	47A8062085	270948117	671, KP2 P. Tam Hiệp	01/5/2021	3.000.000		
15. Phường Tân Mai									
506	Diệp Thị Minh Nguyệt	3600656053	47A8000410	271143638	78 KP2 Tân Mai	01/5/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
507	Diệp Thị Kim Cúc	3600656060	47A8005358	271408227	82 KP2 Tân Mai	01/5/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
508	Giang Minh Ngọc Hạnh	3600890487	47A8005699	270378747	148/4 KP2 Tân Mai	01/5/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
509	Nguyễn Quốc Hùng	3602407052	47A8030017	271112014	49/242 KP1 Tân Mai	01/5/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
510	Nguyễn Quốc Trung	8229103426	47A8068282	271003090	36/4 KP6 Tân Mai	01/8/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
511	Nguyễn Ngọc Thắng	3600682409	47A8008921	270366830	7/4 KP6 Tân Mai	01/8/2021 - 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
512	Nguyễn Kim Tuyên	3600274696	47A8002757	270126683	70/4 KP6 Tân Mai	01/8/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
513	Nguyễn Thị Hồng Ân	8358654950	47A8067077	272155579	927 KP4 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
514	Trần Đình Quỳnh	3602870609	47A8034509	270705521	78/4 KP2 Tân Mai	01/8/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
515	Lê Văn Mạnh	3603732175	47A8067831	163266043	49 KP2 Tân Mai	01/8/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
516	Vũ Xuân Hào	3601537700	47A8067832	271328109	53/264 KP1 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
517	Nguyễn Thị Phương Mai	8025040961	47A8047422	273369156	104/517 KP4 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
518	Nguyễn Đình Minh Dũng	8061447135	47A8066969	271691060	1109 KP1 Tân Mai	01/8/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
519	Lê Thị Hồng Duyên	83111060743	47A8058543	272563890	187 KP2 Tân Mai	01/8/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
520	Nguyễn Ngọc Tuấn Hoàng	8131306187	47A8066173	272069692	92A KP2 Tân Mai	01/8/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
521	Trần Nguyễn Thơ Thơ	3601653513	47A8061987	271535701	72B KP2 Tân Mai	01/5/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
522	Lâm Bá Hiếu	8072821105	47A8062697	311580549	1074 KP2 Tân Mai	01/8/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
523	Hoàng Thế Hùng	3600488923	4707003352	270105650	96/476 KP4 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
524	Vũ Quốc Chiến	3601425281	47A8063396	270780712	843 KP4 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
525	Nguyễn Đăng Minh	3600655726	47A8004498	270710013	80/399 KP1 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
526	Lê Thanh Hồng	3600639971	47A8053267	271202689	81/401 KP1 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
527	Phạm Thanh Tâm	3600724056	47A8006951	270970138	38/188A KP3 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
528	Dương Văn Ngọc	3603484194	47A8055119	121257238	48/240 KP1 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
529	Vũ Văn Lâm	3600902781	47A8002746	270689618	1033 KP3 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
530	Trần Công Thành	3600449314	47A8033855	271159162	54/270 KP1 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
531	Đinh Cao Thuần	3600292462	4707002500/HKD	270086126	54/269 KP1 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
532	Trần Thị Nga	3600639989	4707001460/HKD	075164000855	55/273 KP1 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
533	Bùi Thị Diễm My	3603577875	47A8059563	272050613	70/347 KP4 Tân Mai	01/5/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
16. Phòng Thống Nhất									
534	Trần Hồng Phong	3601122833	47A8061115	290878751	49/5A, kp.1	01/05/2021 - 24/08/2021	3.000.000		
535	Dương Thu Huyền	8464941403	47A8069825	001189005888	1309-PVT, kp.2	01/05/2021 - 24/08/2021	3.000.000		
536	Đỗ Thị Bích Thùy	3603044718	47A8037015	271240193	2/7 B, kp.7	01/05/2021 - 24/08/2021	3.000.000		
537	Nguyễn Tuấn Anh	8058232644	47A8062265	271989567	288, kp.2	01/05/2021 - 24/08/2021	3.000.000		
538	Phạm Thị Kim Bích	3601021659	47A8023276	270971508	357, kp.4	01/05/2021 - 24/08/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
539	Đỗ Thanh Hòa Bình	8046331217	47A8049251	271730234	1/26, kp.4	01/05/2021- 24/08/2021	3.000.000		
540	Huỳnh Lập V6	3600648905	47A80252796	270761453	Tổ 5, kp.4	01/05/2021- 24/08/2021	3.000.000		
541	Phạm Thái Ngân	3603067874	47A8038656	272039861	475, kp.4	01/05/2021- 24/08/2021	3.000.000		
542	Phạm Anh Tuấn	8070199665	47A80522750	151442520	118/2, kp.6	01/05/2021- 24/08/2021	3.000.000		
543	Đào Thị Nguyễn Trang	3603328269	47A8048092	271586114	72, kp.6	01/05/2021- 24/08/2021	3.000.000		
544	Nguyễn Thị Như Quỳnh	3603614083	47A8053103	272726430	E-134-135 kp.7	01/05/2021- 24/08/2021	3.000.000		
545	Phạm Quế Trinh	3603505133	47A8056269	272189741	K 39, kp.7	01/05/2021- 24/08/2021	3.000.000		
546	Trần Anh Dũng	8101994338	47A8066372	271902128	R69, kp.7	01/05/2021- 24/08/2021	3.000.000		
547	Cao Minh Trung	8122198979	47A8065126	221240645	R-85-86-87, kp.7	01/05/2021- 24/08/2021	3.000.000		
548	Nguyễn Bá Hưng	8119965680	47A8052237	271482654	66-68-70, kp.7	01/05/2021- 24/08/2021	3.000.000		
549	Lê Thị Ngọc Lan	3603601285	47A8059434	272294470	45-N1, kp7	01/05/2021- 24/08/2021	3.000.000		
550	Nguyễn Việt Hải	8015821966-001	47A8057394	271621772	J16, kp.7	01/05/2021- 24/08/2021	3.000.000		
551	Nguyễn Cao Nhã Phương	3602636609	47A8048746	271358915	CN7-16-N2, kp.7	01/05/2021- 24/08/2021	3.000.000		
552	Hoàng Thị Anh	3602377792	47A8028018	272067508	A21, kp.7	01/05/2021- 24/08/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
553	Lê Ngọc Thùy	3602500608	47A8031595	271471411	F118-119, kp7	01/05/2021- 24/08/2021	3.000.000		
554	Vũ Thiên An	3603768333	47A8070049	272798589	R41, kp7	01/05/2021- 24/08/2021	3.000.000		
17. Phường An Hòa									
555	Du Thị Huệ	3600733815	47A8029461		K5, ấp 2, xã An Hòa	01/7/2021 - 15/8/2021	3.000.000		
556	Mai Lê Thị Hoàn	3600242542	47A8030206	270237533	Chợ An Hoà	01/7/2021 - 15/8/2021	3.000.000		
557	Trần Kim Hoa	8335204627	47A8052392		10, KP 1, P. An Hòa	01/7/2021 - 15/8/2021	3.000.000		
558	Trần Kim Dung	3603612865	47A8061207		09, Tổ 1, kp1, P. An Hòa	01/7/2021 - 15/8/2021	3.000.000		
559	Tăng Văn Tâm	3602512201	47A8028572		574A, KP 1, P. An Hòa	09/7/2021	3.000.000		
560	Nguyễn Thị Dung	3600235880	47A8030207	270108599	Chợ An Hoà	10/7/2021	3.000.000		
561	Phạm Thị Hoàng	3600242239	47A8030203	271353018	Chợ An Hoà	10/7/2021	3.000.000		
562	Cao Sang Minh	8325884564	47A8060035		04, Tổ 1, KP 1, P. An Hòa	10/7/2021	3.000.000		
563	Nguyễn Thị Kim Hương	3600235778	47A8032519	270222938	13, Tổ 1, KP 1, P. An Hòa	01/8/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
564	Trần Thị Hằng	8022066591	47A8038822	270225982	381, Tổ 8, KP 1, P. An Hòa	01/7/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
565	Phan Thị Ngọc Mai	3603181263	47A8041647	271123661	710, Tổ 15, KP 1, P. An Hòa	01/8/2021 - 30/9/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức để nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
566	Mai Xuân Thành	3603633128	47A8062219	038088007199	1088, KP 3, P. An Hòa	01/7/2021	3.000.000		
567	Trịnh Thị Thủy	3603446431	47A8029911	271331808	433, Tổ 9, KP 1, P. An Hòa	01/8/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
568	Trần Thị Thục Hiền	3603396773	47A8050248	272645134	323, KP 2, P. An Hòa	09/7/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
569	Nguyễn Sơn Thanh	3603075321	47A8038999	271123574	43, Tổ 2, KP 2, P. An Hòa	15/7/2021	3.000.000		
570	Trần Thị Lộc	3603047941	47A8037436	270097470	40, Tổ 2, KP 2, P. An Hòa	15/7/2021	3.000.000		
571	Nguyễn Thị Ngọc	3601808164	47A8050902	271678762	21, Tổ 1, KP 1, P. An Hòa	01/8/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
572	Nguyễn Thị Hoa	3701460392	47A8064223	273285487	179, Tổ 9, KP 1, P. An Hòa	01/8/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
573	Trần Thị Vinh	3603209550	47A8042916	272274674	612, Tổ 13, KP 2, P. An Hòa	01/8/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
574	Đỗ Hồng Hà	3602393321	47A8036418	271640873	416, Tổ 9, KP 1, P. An Hòa	09/7/2021	3.000.000		
575	Hứa Kinh Tin	3600234358	47A8002398	271255766	KP 2, P. An Hòa	09/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
576	Nguyễn Tiến Chính	8070102659	47A8057319	271909093	Tổ 4, KP 4, P. An Hòa	01/8/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
577	Nguyễn Thị Hoa	8004070073	47A8053440	272884911	251C, Tổ 7, KP 4, P. An Hòa	01/8/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
578	Vũ Xuân Hoàn	8005428241	47A8052514	272043557	232, Tổ 7, KP 4, P. An Hòa	01/8/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
579	Nguyễn Dương Thị Mẫn	3602088078	47A8028470	272463293	952A, Tổ 2, KP 4, P. An Hòa	01/8/2021 - 30/9/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
580	Nguyễn Văn Lan	8179745658	47A8070346	182451644	20, Tổ 1, KP 4, P. An Hòa	09/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
581	Nguyễn Phúc Quyết	8358747549	47A8047060	271490254	27, Tổ 1, KP 4, P. An Hòa	09/7/2021	3.000.000		
582	Trần Thanh Trung	8246377145	47178030711	271549496	117D, Tổ 4, KP 4, P. An Hòa	01/8/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
583	Trần Thị Thanh Tâm	3603306850	47A8047076	272247571	488, Tổ 7, KP 3, P. An Hòa	01/8/2021	3.000.000		
584	Nguyễn Thị Thương	8352610393	47A8047495	276037826	864, Tổ 1, KP 4, P. An Hòa	01/7/2021 - 01/9/2021	3.000.000		
585	Đỗ Thị Loan	3602453838	47A8030471	272351759	03, Tổ 1, KP 4, P. An Hòa	01/7/2021 - 01/9/2021	3.000.000		
586	Nguyễn Thị Kiều Trang	8103201023	47A8044756	026012742	Tổ 1, KP 4, P. An Hòa	09/7/2021	3.000.000		
587	Vũ Thị Phương	3603232662	47A8043930	272199112	Tổ 1, KP 4, P. An Hòa	09/8/2021	3.000.000		
588	Nguyễn Thị Trang	3603528074	47A8057526	271292659	422, KP 1, P. An Hòa	09/7/2021	3.000.000		
589	Nguyễn Văn Trang	8668397622	47A8069905	079077012745	Tổ 9, KP 1, P. An Hòa	01/8/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
590	Trần Đức Tiên	8022522205	47A8040732	271786754	1122, Tổ 21, KP 2, P. An Hòa	01/7/2021 - 29/8/2021	3.000.000		
591	Đỗ Duy Hùng	3602512258	47A8028800	271552931	1115, Tổ 21, KP 2, P. An Hòa	01/8/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
592	Nguyễn Thế Hùng	3602419347	47H8005968	271123515	Tổ 2, KP 2, P. An Hòa	09/7/2021 - 15/8/2021	3.000.000		
593	Võ Thị Sang	3600998917	47A8028182	270157832	773, Tổ 16, KP 2, P. An Hòa	01/7/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
594	Trần Thị Nguyệt	8283571937	47A8030980	270237345	942, Tổ 21, KP 1, P. An Hòa	09/7/2021 - 15/8/2021	3.000.000		

18. Phường Quang Vinh

595	Nguyễn Thanh Trúc	3603416821	47A8051309	271608805	B3 KP1	03/7/2021	3.000.000		
596	Lê Hữu Dũng	3600911673	47A8019862	271347393	105/1 KP1	01/7/2021	3.000.000		
597	Đỗ Hoàng Phi	3602388089	47A8046016	271040935	55 KP1	01/7/201	3.000.000		
598	Ngô Minh Hiếu	3603435172	47A8057214	271668314	32K KP1	01/7/2021	3.000.000		
599	Phạm Phước Khánh	3603782225	47A8070610	272144436	38 KP1	01/7/2021	3.000.000		
600	Nguyễn Hoàng	8068106455	47A8062886	271395219	223/14/6 KP2	01/6/2021	3.000.000		
601	Trần Khải	3603753030	47A8069138	271898897	283 KP2	01/7/2021	3.000.000		
602	Trần Thị Kim Châu	8020365846	47A8040455	285094804	Tổ 1 KP2	01/7/2021	3.000.000		
603	Lương Ngọc Hiếu	8066987769	Số 34/ QĐ	271452712	158/48/99A KP3	01/7/2021	3.000.000		
604	Lai Hồng Anh	3603636584	47A8062384	272279813	T01-02 CC KP3	01/7/2021	3.000.000		
605	Nguyễn Đình Tuấn	8573821762	47A8064818	034083008987	Tổ 8 Kp3	01/7/2021	3.000.000		
606	Lê Thị Tuyết Mai	3603397537	47A8050262	270129202	158/48/9	01/7/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
607	Lý Xuân An	3602201862	47A8027619	272446795	480 KP3	01/7/2021	3.000.000		
608	Trần Sĩ Lâm	3603387190	47A8049862	272483407	33 NAQ KP2	01/7/2021	3.000.000		
609	Trần Thị Kim Tuyết	3603155016	47A8040842	271594051	62/19/14 KP3	01/7/2021	3.000.000		
610	Phạm Thị Minh Đức	3600343082	47A8002137	270068745	15/1D KP3	01/7/2021	3.000.000		
611	Nguyễn Vĩnh quy	3600475554	47A8004212	271247494	134/4 KP3	01/7/2021	3.000.000		
612	Bùi Thị Thanh yển	3600765415	47A8047276	271401326	152 KP3	09/7/2021	3.000.000		
613	Lý Thị Tuyết Nga	3600302671	47A8001943	270711962	3/7 CMT8 KP3	13/7/2021	3.000.000		
614	Huỳnh Ngọc Bích Phương	8077703761	47A8065655	272039543	62/19/29A KP3	01/7/2021	3.000.000		
615	Nguyễn Trọng Ân	8315880137	47A8062501	280918558	8/4 KP4	09/7/2021	3.000.000		
616	Nguyễn Hồng Hạnh	3602996802	47A8038422	011453150	111 A2 KP4	09/7/2021	3.000.000		
617	Nguyễn Ngọc Tài	3603526038	47A8053492	271713652	14 Tổ 2 KP4	01/7/2021	3.000.000		
618	Nguyễn Thành Lâm	3603732880	47A8067872	271870671	9/9C KP4	1/7/2021	3.000.000		
619	Nguyễn Xuân Huyền	3602201911	47A8026737	271826410	18 ND KP4	01/7/2021	3.000.000		
620	Vũ Thị hà Anh	8412559793	47A8051117	271904329	8/9 kp4	01/7/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức dề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
19. Phường Trảng Dài									
621	Trần Văn Nam	8201178090	47A8046774	276068543	Tổ 9, KP 5A	16/7/2021 -	3.000.000		
622	Trần Minh Anh	8103710246	47A8050739	022459181	36, Đồng Khởi, Tổ 1, KP 2A	09/7/2021 -	3.000.000		
623	Hoàng Đức Sơn	36035526133	47A8057444	040067000066	38, Đồng Khởi, KP 2A	09/7/2021 -	3.000.000		
624	Nguyễn Văn Hiệu	3600885744	47A8009092	271546107	40, Tổ 1, KP 2A	09/7/2021 -	3.000.000		
625	Phạm Văn Cẩm	8112088021	47A8035025	271488788	Tổ 16, KP 2A	16/7/2021 -	3.000.000		
626	Phạm Thị Thanh Thảo	8041077197	47A8049090	271713235	20B, Tổ 14, KP 2A	14/7/2021 -	3.000.000		
627	Vô Thị Huyền Trang	3603213927	47A8043064	272376146	Tổ 32, KP 2A	16/7/2021 -	3.000.000		
628	Ngô Thị Minh	3600844642	47A8017598	271999358	76, đường Đồng Khởi, Tổ 27, KP 2A	01/05/2021 -	3.000.000		
629	Nguyễn Ngọc Dũng	3603632318	47A8060386	271871042	136, Tổ 1, KP 1	12/7/2021 -	3.000.000		
630	Nguyễn Duy Toàn	8291530596	47A8057963	271148388	Tổ 6, KP 4A	16/7/2021 -	3.000.000		
631	Hoàng Thị Loan	8512385075	47A8058616	272848294	Tổ 19, KP 4A	16/7/2021 -	3.000.000		
632	Nguyễn Hữu Danh	3603627300	47A8061885	272780914	Tổ 9, KP 4A	16/7/2021 -	3.000.000		
633	Nguyễn Thị Thuận	3600965358	47A8021202	272611829	Tổ 16, KP 2A	09/7/2021 -	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
634	Phan Mỹ Lệ	3603739477	47A8068325	215308457	47, Tổ 3, KP 2A	09/7/2021 -	3.000.000		
635	Quách Đạt Sinh	3601317920	47A8050186	260881003	Tổ 17, KP 2A	15/7/2021 -	3.000.000		
636	Nguyễn Đức Duy	3603572147	47A8059269	272118812	34, đường Đồng Khởi, KP 2A	31/5/2021 -	3.000.000		
637	Nguyễn Hồng Thái	8003625822	47A8040931	272155986	Tổ 6, KP 2A	10/6/2021 -	3.000.000		
638	Nguyễn Anh Tuấn	8530202408	47A8070676	025965509	Tổ 25, KP 5A	01/5/2021 -	3.000.000		
639	Lưu Thị Yến Anh	8322250023	47A8059000	272615047	Tổ 13, KP 5A	05/5/2021 -	3.000.000		
20. Phường Long Bình									
640	Võ Chiến Công	3603189632	47A8041959	272597461	Tổ 15, kp1	24/7/2021-Nay	3.000.000		
641	Phùng Văn Chư	8283363486	47A8028964	272268398	Tổ 16, kp1	24/7/2021-Nay	3.000.000		
642	Nguyễn Hồng Phúc	3603684771	47A8063317	164652337	141, Tổ 10, kp2	24/7/2021-Nay	3.000.000		
643	Nguyễn Văn Hải	3602679666	47A80663657	035078007586	75, Lê Nguyễn Đạt, kp3	24/7/2021-Nay	3.000.000		
21. Phường Bình Đa									
644	Nguyễn Đình Khoan	3600295819	47A8044094	075061000592	A8, Tổ 29B, kp3	09/07/2021- 15/08/2021	3.000.000		
645	Trần Kim Phụng	3600301205	47A8048870	270123992	A8, Tổ 29B, kp3	09/07/2021- 15/08/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
646	Nguyễn Thị Xuân Thủy	3602665543	47A8054427	271290273	28/4, Tổ 25, kp3	09/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
647	Vũ Thị Nụ	8213839683	47A8053773	270378339	3A2, Tổ 29C, kp3	09/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
648	Nguyễn Thị Vân Trinh	3600427624	47A8020682	271448468	426, Tổ 38, kp4	09/07/2021 - 15/08/2021	3.000.000		
649	Nguyễn Thị Diệu Mỹ	8069661250	47A8040016	272312065	5A/4, Tổ 30B, kp3	09/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
650	Nguyễn Văn Vinh	8021955809	47A8062251	271563619	1C/4, Tổ 25, kp3	26/7/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
651	Bùi Thị Xuyến	8253677566	47A8044751	272466108	K2A, Tổ 15D, kp2	15/7/2021 - 21/8/2021	3.000.000		
652	Nguyễn Văn Nam	3603457433	47A8053323	341674527	356, Tổ 22, kp3	15/7/2021 - 15/8/2021	3.000.000		
653	Trần Văn Dũng	3600782675	47A8012296	271143275	38/1, Tổ 1, kp1	10/7/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
654	Lê Đình Minh	3603535755	47A8057819	271610370	68/1, Tổ 3, kp1	10/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
655	Trần Lê Thùy Hương	3602792862	47A8048574	272098578	75/1, Tổ 3, kp1	10/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
656	Nguyễn Thị Kim Thu	3602453700	47A8029147	270730080	92/1, Tổ 4, kp1	10/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
657	Thạch Hoa	3600767028	47A8001797	270045044	37/1, Tổ 1, kp1	10/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
658	Trần Hoàng Minh Nguyệt	8336021584	47A8056974	271563675	8B, Tổ 30A, kp3	1/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
659	Phạm Thị Nhung	8148257019	47A8036807	270123557	39, Tổ 30A, kp3	1/5/2021 - 23/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
660	Phạm Ngọc Hiệp	8458731207	47A8056012	261635878	257, kp3	10/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
661	Nguyễn Thành Trung	8123479041	47A8051414	271870747	263/3, kp3	1/5/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
662	Vũ Văn Chiêu	3601059765	47A8002768	270007507	247, Tổ 18, kp3	1/6/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
663	Lê Thị Kim Chi	8028307116	47A8029994	271817045	11/1, Tổ 1, kp1	15/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
664	Nguyễn Văn Được	3602979074	47A8027003	272885947	42/1, Tổ 3, kp1	9/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
665	Tôn Thất Thanh	3602089258	47A8030671	271408486	7/1, Tổ 1, kp1	9/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
666	Đỗ Thị Ngọc Hòa	3600788677	47A8012819	270071449	54/1, Tổ 3, kp 1	2/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
667	Bùi Thị Kim Liên	3603749281	47A8068896	270424324	5/2, kp2	4/5/2021 - 17/8/2021	3.000.000		
668	Trần Thị Tuyết Nhung	3603489474	47A8056996	271563820	B6, Tổ 15B, kp2	9/6/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
669	Lương Thùy Trang	3600953602	47A8019920	272610071	C18, Tổ 40, kp4	9/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
670	Nguyễn Văn Quang	3603554243	47A8058525	036088009151	285, TQT, kp3	25/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
671	Đào Thị Minh	3600301332	47A8018105	270783618	122, TQT, kp3	9/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
672	Nguyễn Thị Thu Hiền	3600296185	47A8007507	270893679	H3, Tổ 17B1, kp2	1/6/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
673	Hoàng Thị Hà	3601027065	47A8018885	191489205	20/1A, Tổ 17B1, kp2	21/6/2021 - 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức dễ nghỉ hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
674	Vũ Thị Hồng Mai	3603443624	47A8052428	272098552	6, Tổ 17B1, kp2	2/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
675	Nguyễn Thế Thành	8025043659	47A8039522	271881052	38D, Tổ 17B, kp2	1/5/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
676	Lưu Hữu Phương	3603041964	47A8059561	271792429	1/1A, Tổ 1, kp1	1/6/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
677	Vũ Tuyết Nhi	8072472535	47A8031603	271711168	253, Tổ 40, kp4	1/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
678	Võ Ngọc Thành	3600293307	47A8002388	270242040	11/6, kp4	19/6/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
679	Bùi Xuân Tuất	3600521105	4707002965	271468708	A8, Tổ 30B, kp3	30/6/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
680	Âu Hoàng Phúc	8299269859	47A8068134	272387534	428, TQT, kp4	9/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
681	Lưu Văn Hương	8344439142	47A8067397	164563741	59/A29, VHP, kp2	9/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
682	Phạm Quốc Đăng	8058868567	47A8062244	271946140	146, Tổ 31, kp4	9/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
683	Vòng Chi Hùng	8041533153	47A8038814	271563588	9/6, kp4	1/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
684	Vũ Hoài Nhon	3601549167	47A8020697	272140001	226/3, Tổ 18, kp3	1/7/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
685	Phạm Văn Thu	3602088945	47A8019992	271347790	1B/1, Tổ 1, kp1	10/7/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
686	Nguyễn Thị Khánh	8043938363	47A8065514	231519284	25, Tổ 14, kp2	8/5/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
687	Bùi Đức Kim	3600990587	47A8026265	025077003859	22B, Tổ 15D3, kp2	12/7/2021 - 24/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
688	Trương Công Quyền	3601383722	47A8024793	0913163994	98, Tổ 16, kp2	9/7/2021 - 24/8/2021	3.000.000		
689	Nguyễn Văn Tư	8485680311	47A8060888	001083024988	9A, TQT, kp3	9/7/2021 - 24/8/2021	3.000.000		
690	Trương Đức	8147947154	47A8045976	270122263	80/1, Tổ 4, kp1	9/7/2021 - 30/8/2021	3.000.000		
691	Trần Thị Liên	3600969747	47A8019780	271760889	C2, Tổ 40, kp4	9/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
692	Võ Thị Út	3600296097	47A8035507	271040042	25/1, Tổ 1, kp1	1/7/2021 - 24/8/2021	3.000.000		
22. Phường Hòa Bình									
693	Lê Thị Thanh Nguyệt	3603410241	47A8050933	075179001260	20/3B, CMT8, KP5	01/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
694	Nguyễn Ngọc Diệu	3602284675	47A8029599	271949646	B20 chợ Biên Hòa	10/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
695	Lâm Hồng Nương	3603081886	47A80552108	271439865	B21 chợ Biên Hòa	10/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
696	Lâm Hồng Anh	3603410308	47A8050924	271439867	B6 chợ Biên Hòa	10/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
697	Nguyễn Thị Thu Hà	3603411414	47A8051002	271159480	B15 chợ Biên Hòa	10/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
698	Lê Hoàng Khâm	1701110059	47A8049178	272299798	137 CMT8 KP3	13/7/2021 - 25/8/2021	3.000.000		
699	Huỳnh Thị Bình Thân	3600338149	47A8005770	270045425	15 PCT KP1	01/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
700	Trần Thị Kim Thuận	3600322678	3124/TMBH	270067682	37 PCT KP1	13/7/2021 - 25/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Họ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức dề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
701	Trần Thiện Đức	3600803607	47A8072796	075055000399	37/2 PCT KP1	05/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
702	Tương công Danh	3600907878	47A8063662	270695749	17,HMC,P.Hòa Bình KP3	10/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
703	Đào Thị Hòa	3600521151	47A8018102	270068626	87A, CMT8, Kp1	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
704	Lê Danh Uyên	3603283297	47A8045656	125600902	17/10 PCT KP1	01/5/2021- 31/8/2021	3.000.000		
705	Thái Đình Minh	3603297395	47A8046493	271645549	73 Phan Chu Trinh Kp 1	10/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
706	Trần Thái Phong	3600341261	47A8029475	271059865	33a Phan Chu Trinh KP1	12/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
707	Trần Cẩm Tuyền	3600345594	47A8004577	270793707	55 CMT8 Hòa Bình KP1	10/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
708	Huỳnh Ngọc Long	3603415497	47A8051236	271698269	65 PCT KP1	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
709	Huỳnh Bá Cẩm	3600341783	05/	270141807	47/14 HVL	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
710	Huỳnh Chi Xiếu	3600676236	47A8007594	271145516	285 CMT 8KP5	10/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
711	Lý Văn Hùng	3601686646	47A8024990	270780173	31 Quang Trung KP1	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
712	Lê Thị Hoa	3600322780	47A8000452	270642327	33 Quang trung KP1	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
713	Hồ Thị Kim Phượng	3600449508	4707003788	272222758	69 B PCT KP5	09/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
714	Nguyễn Thăng Long	3600342755	47A8003184	270730539	89 A CMT8 KP1	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
715	Lý Quốc Dũng	3603544816	47A8058092	2716645666	27, Quang Trung, KP1	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
716	Thái Thanh Long	8424018830	47A8065037	272456662	48, HVL, kp1, Hòa Bình	10/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
717	Mai Xuân Thiệp	8335391776	47A8045241	164293694	119 CMT8 Kp 1 Hòa Bình	10/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
718	Lê Minh Hoàng	3601530141	A8024383	075065000331	15/124 Kp2	01/5/2021- 31/8/2021	3.000.000		
719	Nguyễn Công Gia	3603202160	47A8002550	271683241	153 CMT8 KP3	07/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
720	Lê Văn Phi	3600337307	47A80001587	272648015	47 PCT KP1	01/5/2021- 31/8/2021	3.000.000		
721	Chiêm Thoại Keo	3600482801	47070033810	270120795	61 PCTKP1	12/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
722	Lê Tiến Hiến	3600560665	47A8001489	271589334	225 CMT KP5	10/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
723	Trần Thị Bạch Tuyết	3603071052	47A8029602	271458395	Kiot 22 chợ Biên Hòa	05/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
724	Lê Thùy Trinh	0308231916	47A88067786	271630827	247 CMT8 KP04	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
725	Nguyễn Ngọc Khoa	3600468684	47A8046444	272357119	203 A CMT8KP4	10/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
726	Trần Mỹ Loan	3600781576	47A8017742	270772997	47/8 HVLKP3	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
727	Phạm Thụy Hương	3600318664	47A8001509	2701232334	219 CMT8 KP4	10/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
728	Trần Văn Minh	3600331802	4707000488	270069576	215 CMT8 KP4	10/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
729	Nguyễn Thị Châu	3600359540	47A8003927	075149000122	223B CMT8 KP4	10/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
730	Trần Văn Tình	3600458728	47A8003808	271904238	277 A CMT KP5	09/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
731	Huỳnh Văn Hòa	3600479238	47A8024839	270121118	261 CMT8KP5	10/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
732	Đoàn Quốc Tuấn	3601989383	47A8067107	272399160	223A CMT8 KP4	13/7/2021- 23/8/2021	3.000.000		
733	Lương Thị Kiều Anh	8034698891	47A8034681	271563823	Ki661 1-2 chợ Biên Hòa	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
734	Nguyễn Ngọc Thịnh	3602403227	47A8019643	271347735	257 A CMT8 KP5	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
735	Mai Minh Quang	3603143282	47A8029732	271481567	B12 chợ Biên Hòa	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
736	Liêu Thị Hiệp	3602211155	47A8046053	270103154	159 CMT8 KP4	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
737	Nguyễn thị Hòa	3600755618	47A8005776	272856465	K13 chợ Biên Hòa	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
738	Trần tôn Anh Dũng	8061455866	47A8043260	276051076	293/62 Lê đức đường NVT KP5	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
739	Vũ Thị Huệ	3603623546	47A8060957	076001988	24C,CMT8,kp5	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
740	Trần Thanh Thủy	3602027325	47A8003250	270859416	KP4, P. Hòa Bình	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
741	Phạm Thị Giàu	3600368792	47A8006717	270045581	3/4 CMT8 KP5	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
742	Đinh Thị Phương Thảo	3603077801	47A8025438	270892548	Khu tự tiêu tự sản chợ Biên Hòa, K15	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
743	Dương Thị Phụng	3600368383	47A8002772	270891694	195 CMT8 KP3	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
744	Nguyễn Thành Lâm	3600907701	47A8041099	270069562	283 CMT8 Hòa Bình KP5	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
745	Nguyễn Thị Kiều Quỳn	3600812538	47A8055073	271376577	209, CMT8 KP4	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
746	Trương Tấn Thúc	3600499178	4707000237	271145488	12/3 KP5 CMT8	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
747	Võ Thị Thu	3603190490	47A8041978	270940427	199 CMT8 KP4	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
748	Nguyễn Thị Huệ	3603175485	47A804462	075173001225	K.24, chợ Hòa Bình	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
749	Nguyễn Trọng Ngoan	3603467103	47A8053729	272050653	2/6, CMT8, KP5	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
23. Phường Quyết Thắng									
750	Phan Thị Thanh Thủy	3603707644	47A8066382	271434773	108 - VTS kp1	01/6/2021	3.000.000		
751	Nguyễn Văn Thuận	3603511514	47A8056832	272378336	1/7 VTS kp1	01/6/2021	3.000.000		
752	Vũ Thị Thu Nguyệt	3603653734	47A8063451	272287187	67C HHG kp2	01/6/2021	3.000.000		
753	Lân Văn	3600322702	47A8000171	270145317	61D CMT8 kp2	01/6/2021	3.000.000		
754	Huỳnh Nguyễn Thu Thảo	8415668913	47A848692	272193108	7B CMT8 kp2	10/6/2021	3.000.000		
755	Vũ Văn Thịnh	3603211454	47A842965	276012596	Tổ 5 HHG kp2	07/9/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
756	Nguyễn Công Hoàn	3603521262	47A8057228	151051895	65A CMT8 kp2	09/7/2021	3.000.000		
757	Lê Văn Hùng	8038248406	47A8068516	271145700	75E HHG kp3	05/5/2021	3.000.000		
758	Trần Thị Ngọc Chon	3603644602	47A8062857	371138802	195/14 CMT8 kp3	01/6/2021	3.000.000		
759	Nguyễn Thị Nga	3600639280	47A8004513	270694788	152B CMT8 kp3	01/6/2021	3.000.000		
760	Nguyễn Văn Quang	0311341362	47A8056993	245153163	16 VTS kp3	05/5/2021	3.000.000		
761	Phạm Văn Thiế	8043201273	47A8034310	272098172	137 CMT8 kp3	02/7/2021	3.000.000		
762	Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	3600901097	47A8071386	271303255	178 CMT8 kp3	01/6/2021	3.000.000		
763	Nguyễn Thị Thanh Luân	8468936242	47A8067352	301363778	35 CMT8 kp3	01/7/2021	3.000.000		
764	Nguyễn T Thanh Phương	3600319890	47A8 00595	270982572	167 CMT8 kp3	01/6/2021	3.000.000		
765	Hồ Kim Phương	3600360458	47A8050694	270949177	158 CMT8 kp3	01/7/2021	3.000.000		
766	Trần Kim Phụng	3600757171	47A8050695	271317141	73B HHG kp3	05/5/2021	3.000.000		
767	Võ Thanh Phong	3603710580	47A8066545	271599244	117B CMT8 kp3	01/6/2021	3.000.000		
768	Nguyễn Ngọc Thanh Lan	3603695269	47A8065758	272597902	113 CMT8 kp3	01/6/2021	3.000.000		
769	Võ Thị Lê Ngân	3602847800	47A8048584	271898901	172 CMT8 kp3	01/6/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
770	Vũ Duy	8195548600	47A8063467	270672318	162 CMT8 kp3	01/7/2021	3.000.000		
771	Phạm Thị Phương Hằng	3603559308	47A8058754	301392716	44 VTS Kp3	01/6/2021	3.000.000		
772	Phan Trần Đức	3600270518	47A8043451	271282482	110B CMT8 kp3	09/7/2021	3.000.000		
773	Đỗ Hữu Lộc	3600506932	47A8000847	079057005556	144A(180) CMT8 kp3	15/6/2021	3.000.000		
774	Đặng Phương Hồng	3600506925	47A8004360	270014696	178-180 CMT8 kp3	15/6/2021	3.000.000		
775	Cao Phong	3601927210	47A8024157	271645777	74/31 CMT8 kp3	01/7/2021	3.000.000		
776	Nguyễn Văn Ra	3600332764	47A8000582	270670095	74/31 CMT8 kp3	01/7/2021	3.000.000		
777	Cát Thị Bích Thủy	3602388018	47A8052953	272019571	20/1/1 VTS kp3	09/7/2021	3.000.000		
778	Trần Văn Đăng	3603558953	47A8058631	272178364	139 HHG kp3	01/7/2021	3.000.000		
779	Trần Văn Cảnh	8116950037	47A8061135	272432704	144 CMT8 kp3	10/7/2021	3.000.000		
780	Từ Thị Kim Thủy	8090237125	47A8042275	271252933	82/9(89) CMT8 kp3	09/7/2021	3.000.000		
781	Lâm Kim Hùng	8195551152	47A8038902	270033317	199 HHG kp3	07/7/2021	3.000.000		
782	La Lâm Tài	3600505953	47A8003627	270056861	175A CMT8 kp3	11/7/2021	3.000.000		
783	Ngô Phước Sáng	8652261337	47A8067708	270005324	133/3 CMT8 kp3	01/6/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức dễ nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
784	Tình Thị Kim Phương	3600859374	47A8036358	272311575	75B CMT8 kp3	09/7/2021	3.000.000		
785	Nguyễn Văn Hùng	3603495365	47A8055803	023917203	173 CMT8 kp3	09/7/2021	3.000.000		
786	Trần Đình Đạt	3600326760	47A8001339	271904503	75K HHG kp3	09/7/2021	3.000.000		
787	Huỳnh Ngọc Thanh	3600319675	4707002261	270029355	111C CMT8 kp3	09/7/2021	3.000.000		
788	Nguyễn Ngọc Hùng	3602329654	47A8057254	272126620	111B CMT8 kp3	10/7/2021	3.000.000		
789	Ng Trương T Thanh Thủy	3600780389	47A8039762	270671945	181 CMT8 kp3	09/7/2021	3.000.000		
790	Nguyễn Thị Diệp	8038819875	47A8069887	271802187	145C CMT8 kp3	09/7/2021	3.000.000		
791	Quản Minh Châu	3600330848	47A8001880	270019747	75D HHG kp3	10/7/2021	3.000.000		
792	Ng Vũ Minh Hoàng	8559808015	47A8064276	075090001317	355 - 30/4 kp4	10/7/2021	3.000.000		
793	Trần Thị Ngọc Hương	3600325453	47A8000536	270764997	347 -30/4 kp4	09/7/2021	3.000.000		
794	Ng Thị Kim Oanh	3600292342	47A8000349	270142408	134B -30/4 kp4	09/7/2021	3.000.000		
795	Đỗ Thị Sơn	3600292166	47A8003311	270094098	124 - 30/4 kp4	09/7/2021	3.000.000		
796	Huỳnh Ngọc Thái	8515087380	47A8061678	271971903	123 HHG kp4	01/6/2021	3.000.000		

24. Phường Tân Tiến

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
797	Nguyễn Hữu Chiến	8093447924	47A8069892	164488575	210, Phan Trung, kp7	15/7/2021- 25/8/2021	3.000.000		
798	Nguyễn Thành Đạt	3603448608	47A8052749	36419636	Tổ 4, kp7	8/7/2021- 30/8/2021	3.000.000		
799	Đinh Xuân Thành	3600833707	47A8016125	272040637	333/6, kp7	13/7/2021- 30/8/2021	3.000.000		
800	Nguyễn Thị Giang	3603061079	47A8037862	271301272	6H, Tổ 4, Phan Trung kp7	9/7/2021- 30/8/2021	3.000.000		
801	Phan Lê Mi	3603750248	47A8068944	272989117	325/5, kp7	9/7/2021- 25/8/2021	3.000.000		
802	Phạm Kỳ Thụy	8351547300	47A8064551	271913908	218, Nguyễn ái Quốc, Kp4	1/7/2021- 31/7/2021	3.000.000		
803	Nguyễn Ngọc Tuyên	8592134437	47A8068172	270782208	1621/59/1, Tổ 5, kp 4	1/7/2021- 31/7/2021	3.000.000		
804	Nguyễn Ngọc Tân	3603760359	47A8069551	270949849	1679/13, kp 4	1/7/2021- 31/7/2021	3.000.000		
805	Nguyễn Thị Ngọc Hương	3602488051	47A8031294	271385357	220/9A, Tổ 4, kp4	1/7/2021- 31/7/2021	3.000.000		
806	Nguyễn Huỳnh Thái Bảo	3600696779	47A8008365	361899656	177, Phạm Văn Thuận, KP 1	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
807	Đỗ Xuân Thịnh	3600875552	47A8018743	270602578	10/7 kp2	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
808	Bùi Thị Thu Thảo	3600921262	47A8031432	272087655	108, Phan Trung, KP 7	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
809	Lương Thị Lý	8038840676	47A8045482	162791971	247C/5 Kp7	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
810	Phạm Thị Kim Oanh	3600884885	47A8039982	270364935	148/11 Phan Trung Kp7	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
811	Đinh thị Huyền Trân	8104624825	47A8042788	271419213	485-487, Đồng Khởi, KP 6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
812	Phan Thị Xuân	3603421571	47A8051568	272678539	270A, Nguyễn Ái Quốc, KP4	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
813	Hoàng Tùng	3602152397	47A8026070	011865542	145, Phạm văn Thuận, KP 1	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
814	Trần Văn Minh	3600852185	47A8015147	272229769	357/7, kp7	9/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
Tổng cộng: 814 Hộ kinh doanh							2.442.000.000		

II. Hộ kinh doanh không nộp thuế (Hộ thu nhập thấp)

I. Phường Tam Phước

1	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	3603779374	47A8070457	272998034	281, kp. Long Khánh 1, Tam Phước	23/7/2021- 23/8/2021	3.000.000		
2	Trần Thanh Xuân	3601065624	47A8064038	271266603	507, Tổ 11, KP. Long Đức 3	9/7/2021- 22/8/2021	3.000.000		
3	Phạm Văn Công	3603325437	47A8048007	272687538	Tổ 11B, Long Đức 3	9/7/2021- 23/8/2021	3.000.000		
4	Phan Thị Ngọc Hồng	8514917818	47A 8071184	271488154	Tổ 3 18, KP. Long Khánh 1	1/7/2021- 23/8/2021	3.000.000		
5	Hoàng Thị Thanh Nhân	8459006963	47A8069957	272740098	D/47, Khu 80, KP. Long Đức 1	13/7/2021-	3.000.000		
6	Hồ Thị Kim Canh	8095423037	47A8069906	182388563	K2007, KP. Long Đức 1, Tam Phước	13/7/2021-	3.000.000		
7	Nguyễn Thủy Hằng	8446114672	47A 8065384	271908181	kp. Long Khánh 1, Tam Phước	19/7/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
8	Nguyễn Thị Gám	3603206863	47A8042809	270240597	Tổ 5, KP. Long Đức 3, tam Phước	9/7/2021	3.000.000		
9	Lê Thị Nguyệt	8420402299	47A8065352	272318113	KP. Long Đức 1, Tam Phước	19/07/2021	3.000.000		
10	Nguyễn Ngọc Nhung	3603196679	47A8042224	271539923	310, Tổ 3, KP. Long Khánh 3	9/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
2. Phường Tam hiệp									
11	Trần Minh Cường	708036678	47A8036678	271416731	KP4 P. Tam Hiệp	01/6/2021	3.000.000		
12	Lê Nguyễn Phước Thọ	8052381939	47A8039354	271940534	KP 5 P. Tam Hiệp	02/7/2021	3.000.000		
13	Tô Thị Lệ Huyền	8276065707	47A8068303	25433463	4/54, KP6 P. Tam Hiệp	10/7/2021	3.000.000		
3. Phường Hiệp Hòa									
14	Hộ kinh doanh Lâm Nguyễn Hào Hòa	3602360573	47A8054001	271481005	Chợ Hiệp Hòa, kios số 14, Hiệp Hòa	09/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
15	Hộ kinh doanh Khánh Đăng	8168484820	47A8046262	270709521	93/1 Kp.Nhất Hòa, Hiệp Hòa	09/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
16	Hộ kinh doanh GODI	3603724495	47A8067329	272768463	192/3 KP.Tam Hòa, Hiệp Hòa	09/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
4. Phường Bửu Hòa									
17	Nguyễn Vũ Thư	3601022204	47A8063596	272229432	K3/277C, KP1	01/7/2021	3.000.000		
18	Võ Thị Nguyệt Vân	8067483316	47A8037945	271323212	K3/87C, KP1	01/7/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngừng KD	Mức dễ nghi hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
19	Mai Thị Tuyền	3600702454	4707001593	270157047	K3/115, KP1	01/7/2021	3.000.000		
20	Đỗ Văn Hùng	3600851583	47A8030038	271248621	K2/121B, KP1	01/7/2021	3.000.000		
21	Phan Đăng Đình	3602448404	47A8027728	075074001470	K3/179D, KP1	01/7/2021	3.000.000		
22	Vân Thị Tường Linh	3600352908	47A8070115	270135762	K2/128C, KP1	01/7/2021	3.000.000		
23	Trần Thị Nương	3603683062	47A8065224	364228927	K1/221C, KP2	01/7/2021	3.000.000		
24	Đoàn Thị Bạch Ngọc	3603437941	47A8052210	270858875	K4/210D, KP2	01/7/2021	3.000.000		
25	Lê Thị Huyền Trang	8283579541	47A8066860	271856787	K1/84, KP2	01/7/2021	3.000.000		
26	Bành Thiểu Nghĩa	3600402210	47A8000268	270750158	K4/3, KP2	01/7/2021	3.000.000		
27	Nguyễn Duy Trinh	8415588417	47A8058682	271869669	703/17, KP2	01/7/2021	3.000.000		
28	Võ Thị Diệu Trang	3603321880	47A8057944	271323198	K4/258, KP2	01/7/2021	3.000.000		
29	Trần Tấn Lai	3600859399	47A8013253	270056975	K4/251D1, KP2	01/7/2021	3.000.000		
30	Nguyễn Thị Nhung	3602934595	47A8042905	271323288	K4/216, KP2	01/7/2021	3.000.000		
31	Đỗ Duy Hiệp	8009848247	47A8044287	151628730	K2/67, KP3	01/7/2021	3.000.000		
32	Đoàn Thị Thoa	3603362485	47A8048718	033173007405	K2/59B, KP3	01/7/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
33	Nguyễn Thị Kim Anh	3603606043	47A8008430	270084537	K2/79B, KP3	01/7/2021	3.000.000		
34	Bùi Thị Kim Phương	3601029954	47A8060933	075174001185	K1/81, KP3	01/7/2021	3.000.000		
35	Đỗ Thị Ngọc Thúy	3603170409	47A8041277	082179003150	K3/18, KP4	01/7/2021	3.000.000		
36	Lê Hoàng Hiếu	360375336	47A8068962	272795859	K2/40, KP4	01/7/2021	3.000.000		
37	Trần Thị Thu	3603374498	47A8048555	281257183	K2/9, KP4	01/7/2021	3.000.000		
38	Trương Minh Đạt	3502110805	47A8071791	271434753	K4/135, KP5	01/7/2021	3.000.000		
39	Dương Hồng Huân	3603406534	47A8057362	272662704	K3/82, KP5	01/7/2021	3.000.000		
40	Lâm Văn Hòa	360606043	47A8037512	270869064	K3/120B, KP5	01/7/2021	3.000.000		
5. Phường Long Bình									
41	Nguyễn Thị Hồng Thắm	8396035479	47A8071011	272164851	58, tổ 13, kp2	24-07-21	3.000.000		
42	Nguyễn Văn Huyền	3603768647	47A8070069	044089004670	643, Hoàng Bá Bích, kp 5A	24-07-21	3.000.000		
6. Phường Bình Đa									
43	Ngô Kim Hồng	3603012995	47A8006084	270988650	282, tổ 23, kp3	09/07/2021- 15/08/2021	3.000.000		
44	Lê Thị Kim Chi	8041937893	47A8069867	272266557	A8, tổ 15B, kp2	09/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		



STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
45	Lưu Hoàng Hải	8097775972	47A8063788	272031096	7/A2, TQT, kp3	30/6/2021 - 20/8/2021	3.000.000		
46	Đỗ Thành Hưng	8356092625	47A8071038	272056820	275/1, PVT, kp3	1/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
47	Nguyễn Mỹ Duyên	3603730019	47A8067690	272119224	1221, PVT, kp3	1/6/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
48	Đông Quang Phát	8340447946	47A8052021	272377208	215, kp4	9/6/2021 - 23/8/2021	3.000.000		
49	Ngô Đức Thảo	3603703657	47A8066153	036063005491	91/29, tổ 16C, kp2	15/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		

7. Phường Tân Hạnh

50	Bùi Thị Hiếu Hòa	3603513568	47A8056941	270165053	141b kp1	11/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
51	Tô Thành Đạt	3603474809	47A8054530	301065485	01B kp4	11/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
52	Hứa Thanh Hùng	8468018355	47A8067976	205442119	tổ 26 kp2	11/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		

8. Phường An Hòa

53	Lưu Thị Huỳnh Trinh	8327868014	47A8056866	271886799	199, khu phố 2, phường An Hòa	01/8/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
54	Nguyễn Thị Mười Ba	1101651465	47A8044555	301208445	tổ 7, khu phố 1, phường An Hòa	10/6/2021 - 14/8/2021	3.000.000		
55	Phạm Quang Đạo	3603754002	47A8069186	037091004323	913, khu phố 4, phường An Hòa	09-07-21	3.000.000		

9. Phường Bửu Long

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
56	Nguyễn Thị Hương	3603733683	47A8067916	163325169	8/10B tổ 16 kp3, phường Bửu Long	01/8/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
10. Phường Tân Hiệp									
57	Trương Thị Mỹ Châu	0309976358	47A 8059551	022683670	18 Đường 756 KP I	01/7/2021 - 22/8/2021	3.000.000		
11. Phường An Bình									
58	Nguyễn Đỗ Giàu	8253694628	47A8068267	270029571	1/6C TỔ 1 KP8	09/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
12. Phường Hòa Bình									
59	Huỳnh Thị Hồng Vân	8620039467	47A8069477	270045908	211 CMT8 KP4	13/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
Tổng cộng: 59 hộ kinh doanh							177.000.000		
Tổng: I+ II = 873 hộ kinh doanh							2.619.000.000		

Tổng số tiền hỗ trợ: 2.619.000.000 đồng
(Hai tỷ, sáu trăm mười chín triệu đồng chẵn)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH
ĐA PHỐ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi